

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Đinh Thị Phương Thảo
Giảng viên hướng dẫn : Th.S Nguyễn Đức Kiên**

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT
VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LAN PHỐ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đinh Thị Phương Thảo
Giảng viên hướng dẫn : Th.S Nguyễn Đức Kiên**

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Đinh Thị Phương Thảo MSV : 1113401091

Lớp : QTL502K Ngành : Kế toán – kiểm toán

Tên đề tài : Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phố.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phố.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phố.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu về tình hình kinh doanh của Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phố trong 3 năm gần đây.
- Số liệu về thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phố.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phố.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Đức Kiên**

Học hàm, học vị: **Thạc sỹ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại học Dân lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn:

- Định hướng cách nghiên cứu và giải quyết một đề tài tốt nghiệp cấp cử nhân.
- Định hướng cách hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.
- Định hướng cách mô tả và phân tích thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phố.
- Định hướng cách đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

PHÂN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu
- Chịu khó nghiên cứu lý luận và thực tế
- Có thái độ nghiêm túc, khiêm tốn, ham học hỏi trong quá trình viết khoá luận
- Tuân thủ đúng yêu cầu về tiến độ thời gian và nội dung nghiên cứu của đề tài do giáo viên hướng dẫn quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu)

- Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thống hoá được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: Tác giả đã mô tả và phân tích được thực trạng của đối tượng nghiên cứu theo hiện trạng của chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn sản xuất - kinh doanh, có giá trị về mặt lý luận và có tính khả thi trong việc kiện toàn công tác kế toán của đơn vị thực tập.
- Những số liệu minh hoạ trong khoá luận đã có tính lôgích trong dòng chảy của số liệu kế toán và có độ tin cậy.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn:

Điểm bằng số:

Điểm bằng chữ.....

Hải Phòng, ngày 12 tháng 06 năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Đức Kiên

MỤC LỤC

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC SƠ ĐỒ

DANH MỤC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT.....	3
1.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất.....	3
1.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất:.....	3
1.1.2. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất:.....	3
1.2. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm.....	4
1.2.1. Khái niệm giá thành sản phẩm:.....	4
1.2.2. Bản chất của giá thành sản phẩm:.....	5
1.2.3. Chức năng của giá thành sản phẩm.....	5
1.2.3.1. Chức năng thước đo bù đắp chi phí	5
1.2.3.2 Chức năng lập giá.....	5
1.2.3.3. Chức năng đòn bẩy kinh tế.....	6
1.3. Phân loại chi phí sản xuất	6
1.3.1. Phân loại theo yếu tố chi phí (nội dung kinh tế).....	6
1.3.2. Phân loại theo khoản mục chi phí (theo công dụng kinh tế và địa điểm phát sinh).....	7
1.4. Phân loại giá thành sản phẩm.....	8
1.4.1. Theo thời điểm tính và nguồn số liệu để tính giá thành.....	8
1.4.2. Theo phạm vi phát sinh chi phí giá thành	9
1.5. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành.	9

1.5.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất :	9
1.5.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm	10
1.5.3. Kỳ tính giá thành	10
1.6. Trình tự hạch toán chi phí sản xuất	11
1.6.1. Trình tự hạch toán chi tiết chi phí sản xuất :	11
1.6.2. Trình tự hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất :	11
1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm	12
1.7.1. Phương pháp trực tiếp (phương pháp giản đơn):	12
1.7.2. Phương pháp tổng cộng chi phí :	12
1.7.3. Phương pháp hệ số :	12
1.7.4. Phương pháp tỷ lệ:	13
1.7.5. Phương pháp đơn đặt hàng	14
1.7.6. Phương pháp định mức	14
1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang	15
1.8.1. Khái niệm	15
1.8.2. Đánh giá sản phẩm dở dang	15
1.8.2.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	15
1.8.2.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng hoàn thành tương đương	15
1.8.2.3. Đánh giá sản phẩm dở dang theo giá thành định mức	16
1.9. Nội dung hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm	17
1.9.1. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên	17
1.9.1.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp :	17
1.9.1.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp	18
1.9.1.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp	19
1.9.1.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung	21
1.9.1.4. Tổng hợp chi phí sản xuất	23
1.9.1.4. Tổng hợp chi phí sản xuất	24
1.9.2. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ	24

1.9.2. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	25
1.9.2.1. Hạch toán chi phí nguyên, vật liệu.....	25
1.9.2.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp	26
1.9.2.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung	26
1.9.2.4. Tổng hợp chi phí sản xuất.....	26
1.10. Hạch toán thiệt hại trong sản xuất.....	27
1.10. Hạch toán thiệt hại trong sản xuất.....	28
1.11. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – tính giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán.	29
1.11. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – tính giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán.	30
1.11.1. Hình thức sổ “ Nhật ký chung”	30
1.11.2. Hình thức “Nhật ký sổ cái”	32
1.11.3. Hình thức “ Chứng từ ghi sổ”	33
1.11.4. Hình thức “Nhật ký - chứng từ”.....	34
1.11.5 . Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	35
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LAN PHỐ.....	36
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán CPSX và tính Z sản phẩm tại công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phố.	36
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phố.	36
2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phố	38
2.1.2.1. Đặc điểm sản phẩm tại công ty TNHH Lan Phố :	38
2.1.2.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất :	39
2.1.2.3. Quy trình công nghệ sản xuất gạch tuynel:.....	40
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty trách nhiệm hữu hạn	41

Lan Phố	41
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại	43
công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phố	43
2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.....	43
2.1.4.2. Chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH Lan Phố.....	45
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phố	47
2.2.1. Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất.....	47
2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành	47
sản phẩm tại công ty TNHH Lan Phố.	47
2.2.2.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất tại công ty TNHH Lan Phố.....	47
2.2.2.2. Đối tượng và kỳ tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Lan Phố.....	48
2.2.4. Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính Z sản phẩm tại công ty TNHH Lan Phố.	48
2.2.4.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại công ty TNHH Lan Phố.....	48
2.2.4.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại công ty TNHH Lan Phố.....	57
2.2.4.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung tại công ty TNHH Lan Phố.....	65
2.2.4.4. Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm.....	72
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LAN PHỐ	81
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng tại công ty TNHH Lan Phố.....	81
3.1.1. Ưu điểm.....	81
3.1.2. Hạn chế.....	82
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	83

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Lan Phố.....	83
3.3.1. Yêu cầu.....	83
3.3.2. Phương hướng	84
3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Lan Phố.	85
3.4.1. Kiến nghị 1: Về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung.....	85
3.4.2. Kiến nghị 2: Về phương pháp tính giá nguyên vật liệu.....	85
3.4.3. Kiến nghị 3: Về thiệt hại trong sản xuất	86
3.4.4. Kiến nghị 4: Về ứng dụng công nghệ thông tin.....	88
3.4.4. Kiến nghị 4: Về ứng dụng công nghệ thông tin.....	89
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Lan Phố.	89
3.5.1. Về phía Nhà nước	89
3.5.2. Về phía doanh nghiệp.....	90
KẾT LUẬN	91
TÀI LIỆU THAM KHẢO	92

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Bảng đánh giá quá trình phát triển của công ty TNHH Lan Phố.....	38
Biểu số 2.2: Phiếu xuất kho.....	50
Biểu số 2.3: Bảng kê xuất kho	51
Biểu số 2.4 : Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá.....	53
Biểu số 2.5: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh	54
Biểu số 2.6: Nhật ký chung	55
Biểu số 2.7: Sổ cái TK 621	56
Biểu số 2.8: Bảng chấm công.....	59
Biểu số 2.9: Bảng thanh toán lương.....	60
Biểu số 2.10: Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương	62
Biểu số 2.11: Nhật ký chung	63
Biểu số 2.12: Sổ cái TK 622	64
Biểu số 2.13: Bảng khấu hao TSCĐ	67
Biểu số 2.14: Hóa đơn GTGT	69
Biểu số 2.15: Nhật ký chung	70
Biểu số 2.16: Sổ cái TK 627	71
Biểu số 2.17: Bảng kê số lượng sản phẩm hoàn thành	72
Biểu số 2.18: Bảng tổng hợp giá trị sản phẩm dở dang	73
Biểu số 2.19 : Bảng phân bổ chi phí	76
Biểu số 2.20: Bảng tính giá thành sản phẩm, dịch vụ theo khoản mục	77
Biểu số 2.21: Phiếu nhập kho.....	78
Biểu số 2.22: Nhật ký chung	79
Biểu số 2.23: Sổ cái TK 155	80

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	18
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp	20
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất chung	23
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí sản phẩm	24
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp	26
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm	27
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thiệt hại về sản phẩm hỏng ngoài định mức	28
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán tổng hợp thiệt hại ngừng sản xuất ngoài kế hoạch.....	29
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký chung	31
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký – sổ cái.....	32
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	33
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký – chứng từ.....	34
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Kế toán trên máy vi tính.....	35
Sơ đồ 2.1 : Sơ đồ dây chuyền sản xuất gạch tuynel.....	40
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy của công ty.....	41
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán	44
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH Lan Phố	46
Sơ đồ 3.1: Sơ đồ hạch toán thiệt hại về sản phẩm hỏng ngoài định mức	87
Sơ đồ 3.2: Sơ đồ hạch toán tổng hợp thiệt hại ngừng sản xuất ngoài kế hoạch .	88

DANH MỤC KÝ KIỂU VIẾT TẮT

1. TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
2. NVL: Nguyên vật liệu
3. CCDC: Công cụ dụng cụ
4. TSCĐ: Tài sản cố định
5. CPSX: Chi phí sản xuất
6. TK: Tài khoản
7. BHXH: Bảo hiểm xã hội
8. BHYT: Bảo hiểm y tế
9. BHTN: Bảo hiểm thất nghiệp
10. KPCĐ: Kinh phí công đoàn
11. CP NVLTT: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
12. CP NVTT: Chi phí nhân công trực tiếp
13. CP SXC: Chi phí sản xuất chung
14. PNK: Phiếu nhập kho
15. BTTL: Bảng thanh toán lương
16. SPDD: Sản phẩm dở dang
17. SXKD: Sản xuất kinh doanh
18. ĐGBQ: Đơn giá bình quân
19. PT: Phiếu thu
20. PC: Phiếu chi

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong điều kiện kinh tế hiện nay, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng gia tăng rõ rệt. Các doanh nghiệp muốn tồn tại và vươn lên khẳng định vị trí của mình cần phải năng động trong tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt cần làm tốt công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Vấn đề tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm có ý nghĩa vô cùng to lớn trong việc nâng cao lợi nhuận, tăng tích lũy cho doanh nghiệp, nó là tiền đề đảm bảo cho sự tồn tại, củng cố chỗ đứng của doanh nghiệp trên thị trường. Để làm tốt công việc này, đòi hỏi các doanh nghiệp cần tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm một cách chính xác, kịp thời, đúng đối tượng, đúng chế độ quy định và đúng phương pháp để từ đó đưa ra những biện pháp cụ thể tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm của doanh nghiệp mình, nhưng vẫn đảm bảo về chất lượng sản phẩm. Do đó việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí tính giá thành sản phẩm nói riêng là một nhu cầu cần thiết.

Nhận thức được tầm quan trọng này, sau thời gian học tập tại trường, và thực tập tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phô, với sự hướng dẫn của Th.s Nguyễn Đức Kiên, cùng các cô, chú, anh, chị cán bộ Phòng Kế toán trong công ty, em đã đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu và chọn đề tài tốt nghiệp : ***“ Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phô”***.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phô.

Khóa luận tốt nghiệp

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phố.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

* Đối tượng nghiên cứu:

- Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phố.

* Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian: đề tài được thực hiện tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phố.

- Về thời gian: đề tài được thực hiện từ ngày 25/03 đến ngày 29/06

- Việc phân tích được lấy từ số liệu năm 2012.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán

- Phương pháp thống kê và so sánh

- Phương pháp chuyên gia

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu để kế thừa thành tựu

5. Kết cấu của khóa luận

Kết cấu của đề tài ngoài lời mở đầu và kết luận, nội dung được thể hiện ở ba chương như sau:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phố.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phố.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất

1.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất:

Để tiến hành sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp cần có đầy đủ các yếu tố: lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động. Sự tham gia của các yếu tố vào quá trình sản xuất (các yếu tố đầu vào) hình thành các khoản chi phí tương ứng.

Giá trị sản phẩm, lao vụ, dịch vụ bao gồm 3 bộ phận C, V, m.

C : là toàn bộ giá trị tư liệu đã tiêu hao trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, lao vụ, dịch vụ như: khấu hao TSCĐ, chi phí nguyên vật liệu... Bộ phận này gọi là lao động vật hóa.

V : là chi phí tiền lương, tiền công phải trả cho người lao động tham gia vào quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, lao vụ, dịch vụ. Bộ phận này gọi là lao động sống.

m : là giá trị lao động sống tạo ra trong quá trình sản xuất các sản phẩm, lao vụ, dịch vụ.

Ở góc độ doanh nghiệp, để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thì doanh nghiệp phải bỏ ra hai bộ phận chi phí là C và V.

Như vậy, chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp phải chi ra có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

1.1.2. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất:

Về bản chất chi phí sản xuất dưới từng góc độ nghiên cứu như sau:

- Đối với các nhà kinh tế học: chi phí sản xuất là các phí tổn phải chịu khi sản xuất sản phẩm trong kỳ.
- Đối với các nhà quản lý tài chính, thuế, ngân hàng: chi phí sản xuất là các khoản chi liên quan tới quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Đối với nhà quản trị doanh nghiệp: chi phí sản xuất là khoản phải bỏ ra để mua các yếu tố cần thiết phục vụ quá trình sản xuất và mang lại lợi nhuận cao nhất cho doanh nghiệp trong giới hạn đầu tư không đổi.
- Đối với các nhà kế toán: chi phí sản xuất là khoản phải hi sinh hay trừ ra để đạt được mục đích nhất định, nó được xem như một lượng tiền phải trả cho các hoạt động của doanh nghiệp trong việc tạo ra sản phẩm.

Chi tiêu là cơ sở phát sinh của chi phí, không có chi tiêu thì không có chi phí .

Tuy nhiên, chi phí và chi tiêu là hai khái niệm khác nhau. Các khoản chi phí được coi là chi phí của kỳ hạch toán khi chúng là những hao phí về tài sản và lao động liên quan đến khối lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ. Ngược lại, chi tiêu là sự giảm đi đơn thuần các loại tài sản, vật tư, tiền vốn của doanh nghiệp, bất kể nó được dùng vào mục đích gì. Chính vì vậy, trong các doanh nghiệp cần phân biệt được khái niệm giữa chi phí và chi tiêu, bởi nó là cơ sở để tính đúng, tính đủ các loại chi phí và phân bổ nó đúng đối tượng và tính đúng giá thành sản phẩm.

1.2. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm

1.2.1. Khái niệm giá thành sản phẩm:

Giá thành sản xuất của sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của tổng số các hao phí về lao động vật hóa và lao động sống mà doanh nghiệp đã chi ra để sản xuất một đơn vị hay một khối lượng sản phẩm nhất định. Giá thành sản xuất của sản phẩm còn được gọi là giá thành phân xưởng, tức là giá thành được tính toán trên cơ sở các chi phí đã chi ra để chế tạo sản phẩm ở các phân xưởng sản xuất.

1.2.2. Bản chất của giá thành sản phẩm:

Bản chất của giá thành sản phẩm là sự chuyển dịch giá trị của các yếu tố vật chất vào giá trị sản phẩm được sản xuất và tiêu thụ. Chưa có sự chuyển dịch này thì không thể nói đến chi phí và giá thành sản phẩm. Trong điều kiện của nền kinh tế thị trường, giá thành sản phẩm bao gồm toàn bộ các khoản hao phí vật chất thực tế cần được bù đắp bất kể nó thuộc bộ phận nào trong cấu thành giá trị sản phẩm.

Hạch toán giá thành chính là tính toán, xác định sự chuyển dịch các yếu tố vật chất tham gia vào khối lượng sản phẩm vừa thoát ra khỏi quá trình sản xuất và tiêu thụ nhằm mục đích thực hiện các chức năng của giá thành sản phẩm

Bản chất nêu trên cũng cho phép chúng ta thiết lập mối quan hệ chặt chẽ giữa giá thành sản phẩm với các yếu tố chi phối các phương thức chuyển dịch giá trị của các yếu tố vật chất vào giá trị sản phẩm. Đó là các yếu tố thuộc về mặt kỹ thuật và xã hội của quá trình tái sản xuất.

1.2.3. Chức năng của giá thành sản phẩm

1.2.3.1. Chức năng thước đo bù đắp chi phí

Giá thành sản phẩm biểu hiện những hao phí vật chất mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Những hao phí vật chất này cần được bù đắp một cách đầy đủ, kịp thời để đảm bảo yêu cầu tái sản xuất

Bù đắp hao phí sản xuất là vấn đề quan tâm đầu tiên của các doanh nghiệp bởi hiệu quả kinh tế được biểu hiện ra trước hết ở chỗ doanh nghiệp có khả năng bù lại những gì mình đã bỏ ra hay không. Đủ bù đắp là khởi điểm của hiệu quả và được như là yếu tố đầu tiên để được xem xét hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2.3.2 Chức năng lập giá

Giá cả là biểu hiện mặt giá trị của sản phẩm, chứa đựng trong nó nội dung bù đắp hao phí vật chất dùng để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nên việc lấy giá thành làm căn cứ lập giá là một yêu cầu khách quan, vốn có trong nền sản xuất hàng hóa và được biểu hiện đầy đủ trong nền kinh tế thị trường. Mọi sự thoát ly cơ sở lập giá là giá thành sẽ làm cho giá cả không còn tính chất

đòn bẩy để phát triển sản xuất kinh doanh mà sẽ kìm hãm sản xuất, gây ra những rối loạn trong sản xuất và lưu thông.

Khi được sử dụng làm căn cứ lập giá trị thì giá thành phải là những hao phí được xã hội chấp nhận. Phải loại bỏ ra khỏi giá thành những hao phí bất hợp lý, không liên hệ gì đến quá trình sản xuất và tiêu thị sản phẩm. Như vậy việc đưa ra các định mức hao phí trong giá thành sản phẩm có ý nghĩa rất tích cực khi sử dụng giá thành làm căn cứ lập giá.

1.2.3.3. Chức năng đòn bẩy kinh tế

Giá cả sản phẩm đã trở thành đòn bẩy kinh tế quan trọng thúc đẩy các doanh nghiệp tăng cường hiệu quả kinh doanh phù hợp với các nguyên tắc hạch toán kinh doanh trong điều kiện cơ chế thị trường.

Chức năng đòn bẩy kinh tế của giá thành không chỉ thể hiện trong quá trình thực hiện các nguyên tắc hạch toán kinh tế của doanh nghiệp mà nó còn thể hiện rõ nét và tích cực trong nội bộ đơn vị khi thực hiện hạch toán kinh tế nội bộ. Tính chất đòn bẩy kinh tế của giá thành đặt ra các yêu cầu cho từng bộ phận sản xuất phải có biện pháp hữu hiệu vừa tiết kiệm chi phí vừa sử dụng chi phí một cách hợp lý nhất đối với từng loại hoạt động, từng khoản chi phí cụ thể.

Khi vận dụng chức năng đòn bẩy kinh tế của giá thành cần thấy là từng yếu tố chi phí, từng loại giá thành chỉ phát sinh và xuất hiện dưới dạng riêng biệt là một yếu tố của giá thành toàn bộ. Do vậy khi đánh giá tính chất đòn bẩy của giá thành cần gắn theo từng loại giá thành, từng yếu tố chi phí so với tổng thể của nó.

1.3. Phân loại chi phí sản xuất

1.3.1. Phân loại theo yếu tố chi phí (nội dung kinh tế)

Chi phí sản xuất kinh doanh trong ngành công nghiệp được quy định bao gồm các yếu tố:

- Chi phí nguyên vật liệu: gồm các chi phí nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, công cụ, dụng cụ,...mà doanh nghiệp đã sử dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ

(loại trừ giá trị dùng không hết nhập lại kho và phế liệu thu hồi cùng với nhiên liệu, động lực)

- Chi phí nhân công: phản ánh tổng số tiền lương, các khoản phụ cấp có tính chất lương và các khoản trích theo lương của cán bộ công nhân viên chức trong doanh nghiệp.
- Chi phí khấu hao TSCĐ: phản ánh toàn bộ số khấu hao phải trích trong kỳ của tất cả các TSCĐ được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ không phân biệt TSCĐ dùng cho quản lý và TSCĐ dùng trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: gồm toàn bộ số tiền mà doanh nghiệp đã chi trả cho các loại dịch vụ mua ngoài như tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại,... phục vụ cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Chi phí khác bằng tiền: phản ánh toàn bộ các chi phí khác bằng tiền chưa phản ánh vào các yếu tố tiêu dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc phân loại chi phí sản xuất theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí có tác dụng rất lớn trong việc quản lý chi phí sản xuất. Nó cho biết kết cấu tỷ trọng của từng yếu tố chi phí làm cơ sở cho việc lập, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất, lập kế hoạch cung ứng vật tư, lao động, tiền vốn. Tuy nhiên cách phân loại này có nhược điểm là trong thực tế, có những khoản mục chi trực tiếp theo từng yếu tố nhưng các yếu tố không được tính trực tiếp vào giá thành thực tế của từng sản phẩm do đó không thể xác định được giá bán phù hợp.

1.3.2. Phân loại theo khoản mục chi phí (theo công dụng kinh tế và địa điểm phát sinh)

Chi phí sản xuất sản phẩm được quy định bao gồm 3 khoản mục:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: phản ánh toàn bộ chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu tham gia trực tiếp vào việc sản xuất và chế tạo sản phẩm hay thực hiện lao vụ, dịch vụ.

- Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm tiền lương. Các khoản phụ cấp có tính chất lương và các khoản trích theo lương của cán bộ, công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm.
- Chi phí sản xuất chung: là các chi phí sản xuất phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm nhưng không được tính cho một đối tượng cụ thể và phát sinh trong phạm vi các phân xưởng như tiền lương nhân viên quản lý đội, các khoản trích theo lương quy định, khấu hao máy móc thiết bị, dịch vụ mua ngoài.

Phân loại chi phí sản xuất theo cách này có tác dụng phục vụ cho việc quản lý chi phí theo định mức, là cơ sở cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo khoản mục, là căn cứ để phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và định mức chi phí sản xuất cho kỳ sau.

1.4. Phân loại giá thành sản phẩm

Để đáp ứng các yêu cầu về quản lý, hạch toán và kế hoạch hóa giá thành cũng như xây dựng giá cả hàng hóa, giá thành được xem xét dưới nhiều góc độ, nhiều phạm vi tính toán khác nhau. Về lý luận cũng như trên thực tế ngoài các khái niệm giá thành xã hội, giá thành cá biệt, còn có khái niệm giá thành công xưởng, giá thành toàn bộ.

1.4.1. Theo thời điểm tính và nguồn số liệu để tính giá thành

- Giá thành kế hoạch: giá thành kế hoạch được xác định trước khi bước vào kinh doanh trên cơ sở giá thành thực tế kỳ trước và các định mức, các dự toán chi phí của kỳ kế hoạch.

- Giá thành định mức: cũng như giá thành kế hoạch, giá thành định mức cũng được xác định trước khi bắt đầu sản xuất sản phẩm. Tuy nhiên khác với giá thành được xây dựng trên cơ sở định mức bình quan tiên tiến và không biến đổi trong suốt cả kỳ kế hoạch giá thành định mức lại được xây dựng trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành tại từng thời điểm nhất định trong kỳ kế hoạch (thường là ngày đầu tháng) nên giá thành định mức luôn thay đổi phù hợp với sự thay đổi của các định mức chi phí đạt được trong quá trình sản xuất sản phẩm.

- Giá thành thực tế: giá thành thực tế là chỉ tiêu được xác định sau khi kết thúc sản xuất sản phẩm trên cơ sở các chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm.

1.4.2. Theo phạm vi phát sinh chi phí giá thành

- Giá thành sản xuất (giá thành công xưởng): là chỉ tiêu phản ánh tất cả những chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm trong phạm vi phân xưởng, bộ phận sản xuất, bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

- Giá thành tiêu thụ (giá thành toàn bộ): là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm (chi phí sản xuất, quản lý bán hàng). Do vậy giá thành tiêu thụ còn gọi là giá thành đầy đủ hay giá thành toàn bộ và được tính theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \textit{Giá thành toàn bộ} & & \textit{Giá thành} & & \textit{Chi phí quản lý} & & \textit{Chi phí} \\ \textit{của sản phẩm} & = & \textit{sản xuất} & + & \textit{doanh} & + & \textit{tiêu thụ} \\ \textit{tiêu thụ} & & \textit{sản phẩm} & & \textit{ng nghiệp} & & \textit{sản phẩm} \end{array}$$

1.5. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành.

1.5.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất :

Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi và giới hạn mà các chi phí sản xuất phát sinh cần được tập hợp, theo đó nhằm đáp ứng yêu cầu kiểm tra, phân tích chi phí và yêu cầu tính giá thành sản phẩm.

Phạm vi để tập hợp chi phí sản xuất có thể có 2 loại :

- Nơi phát sinh chi phí : phân xưởng, đội sản xuất, các giai đoạn công nghệ
- Nơi gánh chịu chi phí : sản phẩm, công việc, lao vụ, các bộ phận chi tiết sản phẩm, các công trình, hạng mục công trình.

Để xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất cụ thể ở mỗi doanh nghiệp cần căn cứ vào :

- Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm : đơn giản hay phức tạp.
- Loại hình sản xuất : sản xuất đơn chiếc hay hàng loạt

- Yêu cầu và trình độ quản lý của doanh nghiệp

Khi xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất cần dựa vào tổng thể các căn cứ trên. Có như vậy mới có tác dụng tốt cho việc tăng cường quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm kịp thời, đúng đắn.

1.5.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm

Chi phí sản xuất được tập hợp là cơ sở để tính giá thành. Đối tượng tính giá thành là các sản phẩm, công việc, lao vụ mà doanh nghiệp tiến hành sản xuất kinh doanh trong kỳ, đòi hỏi kế toán phải tính được giá thành và giá thành đơn vị. Xác định đối tượng đối tượng tính giá thành căn cứ vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, quy trình sản xuất của doanh nghiệp. Đồng thời phải xác định đơn vị tính của sản phẩm, dịch vụ đã được xã hội thừa nhận, phù hợp với đơn vị tính sản lượng ghi trong kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Nếu quy trình công nghệ giản đơn thì sản phẩm hoàn thành ở cuối quy trình sản xuất là đối tượng tính giá thành.

Nếu quy trình công nghệ phức tạp thì sản phẩm được lắp ráp hoàn chỉnh, từng bộ phận, chi tiết sản phẩm là đối tượng tính giá thành.

Nếu tổ chức sản xuất đơn chiếc thì từng sản phẩm, từng công việc sản xuất là đối tượng tính giá thành.

1.5.3. Kỳ tính giá thành

Kỳ tính giá thành là thời kỳ mà bộ phận kế toán giá thành cần tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng cần tính.

Xác định được kỳ tính giá thành thích hợp cho từng đối tượng sẽ giúp cho công tác tổ chức kế toán giá thành sản phẩm được khoa học, hợp lý, đảm bảo cung cấp số liệu thông tin về giá thành thực tế được kịp thời, đầy đủ, phát huy được vai trò kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành, đáp ứng yêu cầu quản lý nội bộ của doanh nghiệp.

Kỳ tính giá thành có thể là tháng, chu kỳ sản xuất hay năm tùy thuộc vào đặc điểm tổ chức sản xuất và chu kỳ sản xuất để xác định cho thích hợp.

1.6. Trình tự hạch toán chi phí sản xuất

1.6.1. Trình tự hạch toán chi tiết chi phí sản xuất :

Bước 1: Mở sổ (hoặc thẻ) hạch toán chi tiết chi phí sản xuất theo từng đối tượng tập hợp chi phí (phân xưởng, bộ phận sản xuất, sản phẩm, nhóm sản phẩm...) Sổ được mở riêng cho từng tài khoản 621, 622, 627, 154, 631,.... Căn cứ để ghi vào sổ là sổ chi tiết các tài khoản tháng trước và các chứng từ gốc, các bảng phân bổ (tiền lương, BHXH, vật liệu, dụng cụ, khấu hao...), bảng kê chi phí theo dự toán. Sổ có thể mở riêng cho từng đối tượng hoặc mở chung cho nhiều đối tượng.

Bước 2: Tập hợp các chi phí phát sinh trong kỳ có liên quan cho từng đối tượng hạch toán

Bước 3: Tổng hợp toàn bộ chi phí phát sinh theo từng nội dung thuộc từng đối tượng hạch toán vào cuối kỳ làm cơ sở cho việc tính giá thành. Đồng thời, lập thẻ tính giá thành từng loại sản phẩm, dịch vụ theo từng loại, căn cứ để lập thẻ tính giá thành sản phẩm kỳ trước, sổ hạch toán chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh kỳ này và biên bản kiểm kê, đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ cùng với bảng kê khai khối lượng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành trong kỳ.

1.6.2. Trình tự hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất :

Bước 1: Tập hợp các chi phí cơ bản có liên quan trực tiếp cho từng đối tượng sử dụng.

Bước 2: Tính toán và phân bổ lao vụ của các ngành sản xuất kinh doanh phụ từng đối tượng sử dụng trên cơ sở khối lượng lao vụ phục vụ và giá thành đơn vị lao vụ

Bước 3: Tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung cho các loại sản phẩm có liên quan

Bước 4: Xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ, tính ra tổng giá thành và giá thành đơn vị sản phẩm

Tùy theo phương pháp hạch toán hàng tồn kho áp dụng trong doanh nghiệp mà nội dung, cách thức hạch toán chi phí sản xuất có những điểm khác nhau

1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

Phương pháp tính giá thành là một phương pháp hoặc hệ thống phương pháp được sử dụng để tính giá thành của đơn vị sản phẩm, nó mang tính thuần túy kỹ thuật tính toán chi phí cho từng đối tượng tính giá thành

1.7.1. Phương pháp trực tiếp (phương pháp giản đơn):

Đây là phương pháp hạch toán giá thành sản phẩm áp dụng cho những doanh nghiệp có quy trình sản xuất giản đơn như các doanh nghiệp khai thác và sản xuất. Đặc điểm của các doanh nghiệp có quy trình sản xuất giản đơn là chỉ sản xuất một hoặc một số ít mặt hàng với số lượng lớn, chu kỳ sản xuất ngắn, có thể có hoặc không có sản phẩm dở dang

$$\begin{array}{r} \text{Tổng giá} \\ \text{thành sản} \\ \text{phẩm hoàn} \\ \text{thành} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá trị sản} \\ \text{phẩm dở} \\ \text{dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất thực tế} \\ \text{phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các phát} \\ \text{sinh giảm} \\ \text{chi phí} \\ \text{sản xuất} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá trị sản} \\ \text{phẩm dở} \\ \text{dang cuối} \\ \text{kỳ} \end{array}$$

Đồng thời, dựa vào sản lượng thực tế do bộ phận thống kê cung cấp, xác định giá thành đơn vị:

$$\begin{array}{r} \text{Giá thành đơn vị} \\ \text{sản phẩm} \end{array} = \frac{\begin{array}{r} \text{Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{r} \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ} \end{array}}$$

1.7.2. Phương pháp tổng cộng chi phí :

Đây là phương pháp áp dụng cho các doanh nghiệp mà quy trình sản xuất sản phẩm được thực hiện ở nhiều bộ phận sản xuất, nhiều giai đoạn công nghệ, đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là các bộ phận, chi tiết sản phẩm hoặc giai đoạn công nghệ hay bộ phận sản xuất. Giá thành sản phẩm được xác định bằng cách cộng chi phí sản xuất của các bộ phận, chi tiết sản phẩm hay tổng chi phí sản xuất của các giai đoạn, bộ phận sản xuất tạo nên thành phẩm.

1.7.3. Phương pháp hệ số :

Đây là phương pháp được áp dụng trong trường hợp cùng một quy trình sản xuất tạo ra đồng thời nhiều loại sản phẩm chính và tất nhiên không thể tổ chức theo dõi chi tiết chi phí theo từng loại sản phẩm. Do vậy, để xác định giá

Khóa luận tốt nghiệp

thành cho từng loại sản phẩm chính cần phải quy đổi các sản phẩm chính khác nhau về một loại sản phẩm duy nhất gọi là sản phẩm tiêu chuẩn theo hệ số quy đổi được xây dựng sẵn. Sản phẩm có hệ số 1 được chọn làm sản phẩm tiêu chuẩn

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc} = \frac{\text{Tổng giá thành sản xuất của tất cả các loại sản phẩm}}{\text{Tổng số sản phẩm gốc được quy đổi từ tất cả các loại sản phẩm}}$$

$$\begin{aligned} \text{Tổng giá thành sản phẩm của tất cả các loại sản phẩm} &= \text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ} - \text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} \end{aligned}$$

$$\text{Tổng số sản phẩm gốc hoàn thành} = \sum [\text{Số lượng sản phẩm loại } i (Q_i) \times \text{Hệ số quy đổi của sản phẩm loại } i (H_i)]$$

$$\text{Ta có : } \sum Q = \sum Q_i \times H_i$$

Trong đó: - Q_i : số lượng sản phẩm loại i .

- H_i : hệ số quy đổi của sản phẩm i .

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm loại } i (Z_i) = \frac{\text{Giá thành đơn vị sản phẩm tiêu chuẩn } (Z_o)}{\text{Hệ số quy đổi sản phẩm } i (H_i)}$$

1.7.4. Phương pháp tỷ lệ:

Điều kiện áp dụng: trong các doanh nghiệp để xây dựng được chỉ tiêu giá thành kế hoạch cho từng đối tượng.

Căn cứ vào tổng giá thành thực tế và tổng giá thành kế hoạch của các loại sản phẩm tính theo sản lượng thực tế, kế toán tính tỷ lệ điều chỉnh giá thành.

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ điều chỉnh} \\ \text{giá thành sản phẩm (\%)} \end{array} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế các loại sản phẩm hoàn thành trong kỳ}}{\text{Tổng giá thành kế hoạch các loại sản phẩm hoàn thành trong kỳ}} \times 100$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành sản xuất thực tế của loại sản phẩm } i \end{array} = \frac{\text{Giá thành kế hoạch đơn vị của loại sản phẩm } i}{\text{Sản lượng thực tế sản phẩm } i} \times \text{Tỷ lệ điều chỉnh giá sản phẩm}$$

1.7.5. Phương pháp đơn đặt hàng

Trong loại hình doanh nghiệp sản xuất giản đơn, đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là từng đơn đặt hàng đối tượng tính giá thành là sản phẩm của từng đơn đặt hàng. Phương pháp tính giá thành tùy thuộc vào tính chất và số loại sản phẩm.

Việc tính giá thành thực hiện sau khi hoàn thành đơn đặt hàng nên kỳ tính giá thành không khớp với kỳ báo cáo. Cuối kỳ báo cáo, đơn đặt hàng chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí đã tập hợp theo đó là giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ.

1.7.6. Phương pháp định mức

Đây là phương pháp chỉ áp dụng trong những doanh nghiệp đã xác lập được hệ thống các định mức về chi phí vật liệu, nhân công cũng như dự toán về chi phí phục vụ và quản lý sản xuất cho từng loại sản phẩm được sản xuất ra, ngay cả các chi tiết sản phẩm để tạo nên sản phẩm hoàn chỉnh. Nói cách khác, doanh nghiệp phải xác lập được giá thành định mức cho từng loại sản phẩm trên cơ sở các định mức tiêu hao hiện hành

$$\text{Giá thành thực tế} = \text{Giá thành định mức} + (-) \text{do thay đổi định mức} + (-) \text{Chênh lệch do thực hiện so với định mức}$$

1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang

1.8.1. Khái niệm

Sản phẩm dở dang là sản phẩm chưa hoàn thành, con đang dang dở trên dây chuyền sản xuất hay ở các phân xưởng sản xuất, đánh giá giá trị sản phẩm dở dang là sử dụng các công cụ kê toán (được thực hiện bằng các phương pháp như phương pháp ước lượng tương đương hoặc phương pháp chi phí trực tiếp,...) để xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ tương ứng với số lượng sản phẩm dở dang.

1.8.2. Đánh giá sản phẩm dở dang

1.8.2.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Phương pháp này thích hợp với các doanh nghiệp có chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất sản phẩm, khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ ít. Như vậy vẫn đảm bảo được mức độ chính xác, đơn giản và giảm được khối lượng tính toán.

Theo phương pháp này, chỉ tính cho sản phẩm dở dang cuối kỳ phần chi phí nguyên vật liệu trực tiếp còn chi phí khác tính cả cho sản phẩm hoàn thành. Công thức tính như sau:

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí NVL trực} \\ \text{tiếp trong spdd} \\ \text{Giá trị} \\ \text{spdd} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{r} \text{Chi phí NVL trực} \\ \text{tiếp thực tế phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \\ \text{Số lượng} \\ \text{spdd} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{hoàn thành trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{r} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{hoàn thành trong kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Số lượng spdd} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{r} \text{Số lượng} \\ \text{spdd} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

1.8.2.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng hoàn thành tương đương

Theo phương pháp này, ta cần quy đổi khối lượng sản phẩm dở dang ra thành khối lượng hoàn thành tương đương. Sau đó, xác định từng khoản mục chi phí theo nguyên tắc sau:

Khóa luận tốt nghiệp

- Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bỏ vào một lần ngay từ đầu quá trình sản xuất thường được coi như phân bổ đồng đều 100% cho cả thành phẩm và sản phẩm dở dang.
- Đối với các chi phí bỏ dần vào quá trình sản xuất thì giá trị sản phẩm dở dang được tính theo sản lượng hoàn thành tương đương theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Khoản mục chi} \\ \text{phí sản xuất} \\ \text{nằm trong spdd} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Khoản mục chi phí} \\ \text{sản xuất nằm trong} \\ \text{spdd đầu kỳ} \\ \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{hoàn thành trong kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Khoản mục chi phí} \\ \text{sản xuất thực tế phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \\ \text{Số lượng spdd} \\ \text{quy đổi} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{quy đổi} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{quy đổi} \end{array}$$

$$\text{Số lượng spdd quy đổi} = \text{Số lượng spdd cuối kỳ} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ hoàn thành} \\ \text{tương đương} \end{array}$$

$$\text{Tổng giá trị spdd cuối kỳ} = \text{Tổng các chi phí nằm trong spdd cuối kỳ}$$

1.8.2.3. Đánh giá sản phẩm dở dang theo giá thành định mức

Phương pháp này thích hợp khi áp dụng cho các doanh nghiệp hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo phương pháp định mức, có đầy đủ hệ thống các định mức chi phí. Theo phương pháp này, căn cứ vào khối lượng sản phẩm dở dang và chi phí định mức cho một đơn vị sản phẩm ở từng phân xưởng (giai đoạn) để tính giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ, cũng có thể chỉ tính theo định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hoặc cho tất cả các khoản mục chi phí.

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị spdd} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất định} \\ \text{mức cho 1 đơn vị sản} \\ \text{phẩm} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{spdd cuối kỳ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ hoàn} \\ \text{thành} \end{array}$$

1.9. Nội dung hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm

1.9.1. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.9.1.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp :

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm giá trị nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu...được xuất dùng trực tiếp cho việc chế tạo sản phẩm. Đối với những vật liệu khi xuất dùng có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng tập hợp chi phí riêng biệt (phân xưởng, bộ phận sản xuất hoặc sản phẩm, loại sản phẩm, lao vụ,...) thì hạch toán trực tiếp cho đối tượng đó. Trường hợp vật liệu xuất dùng có liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí, không thể tổ chức hạch toán riêng được thì phải áp dụng phương pháp phân bổ gián tiếp để phân bổ chi phí cho các đối tượng có liên quan.

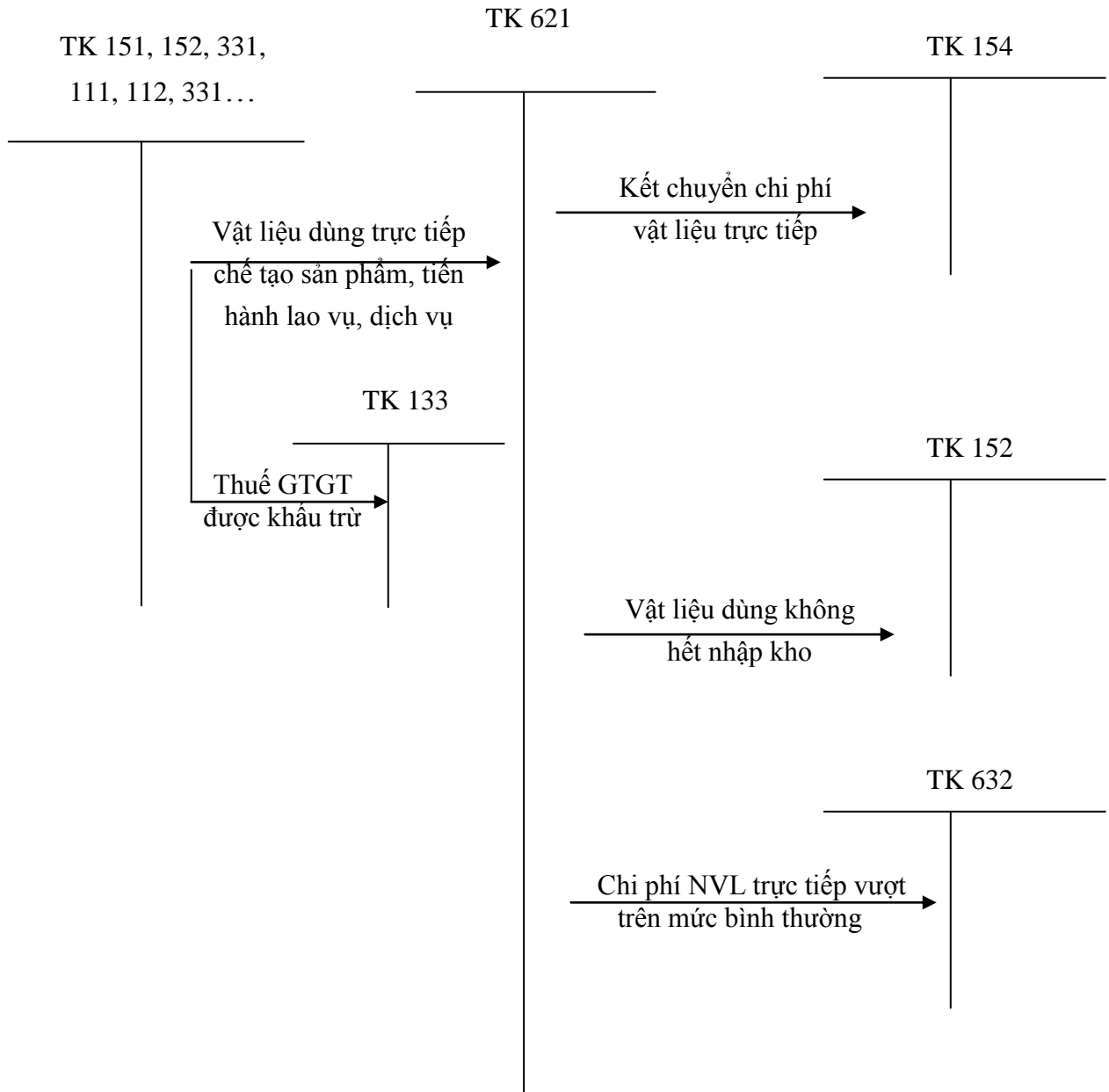
Để theo dõi các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 621 “Chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp”. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí (phân xưởng, bộ phận sản xuất...)

Bên nợ : Tập hợp chi phí nguyên vật liệu xuất dùng trực tiếp cho chế tạo sản phẩm hay thực hiện các lao vụ, dịch vụ

- Bên có : - Giá trị vật liệu xuất dùng không hết
- Kết chuyển chi phí vật liệu trực tiếp

Tài khoản 621 cuối kỳ không có số dư

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp



1.9.1.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản thù lao phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm, trực tiếp thực hiện các lao vụ, dịch vụ như tiền lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp có tính chất lương (phụ cấp khu vực, đất đỏ, độc hại, phụ cấp làm thêm, thêm giờ...) Ngoài ra, chi phí nhân công trực tiếp còn bao gồm các khoản đóng góp cho các quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ do chủ sử dụng lao động chịu và được tính vào chi phí kinh doanh theo một tỷ lệ nhất định với số tiền lương phát sinh của công nhân trực tiếp sản xuất.

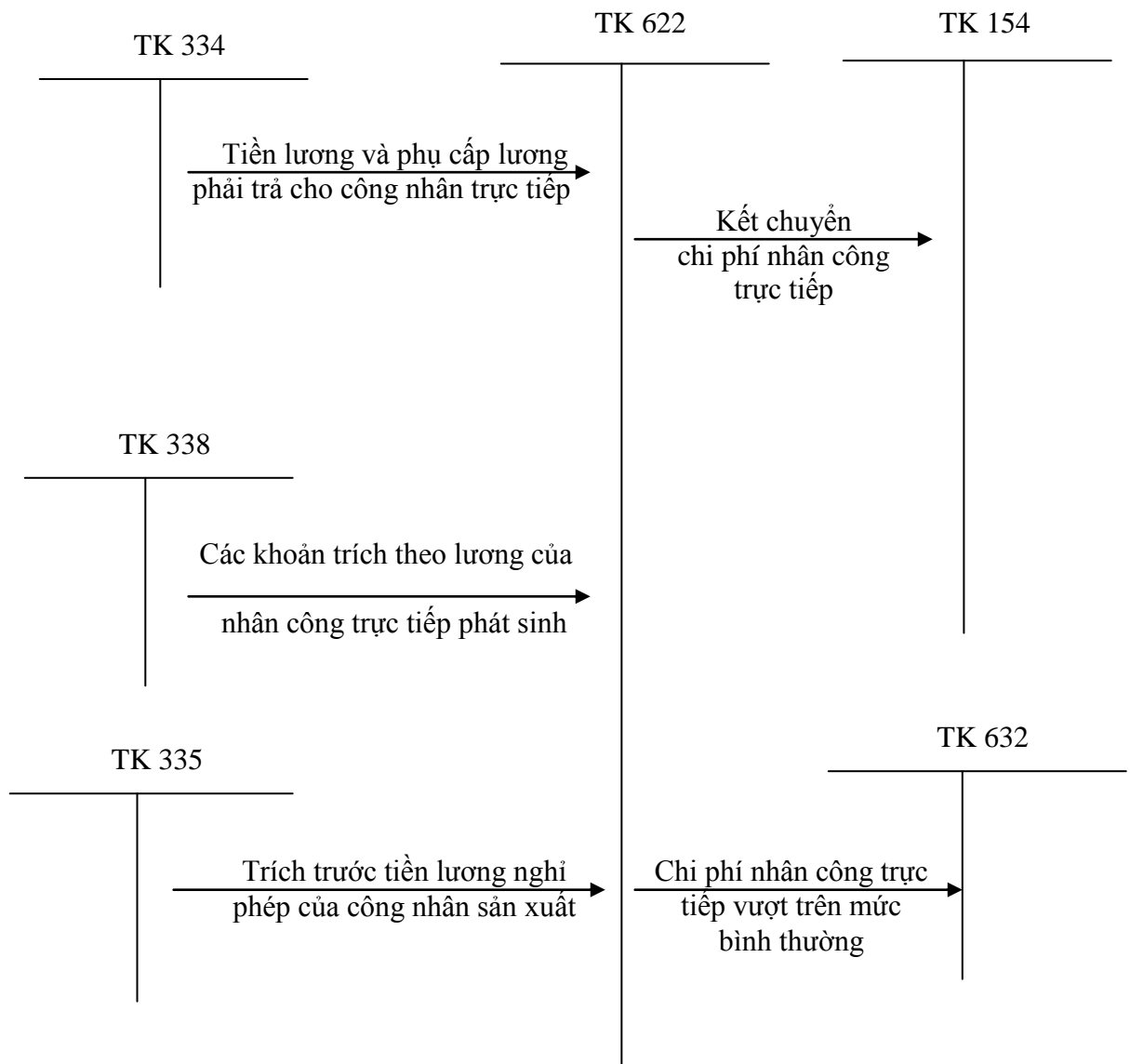
Để theo dõi chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 622 “Chi phí nhân công trực tiếp”. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí như tài khoản 621.

Bên Nợ : Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp sản xuất sản phẩm, thực hiện lao vụ, dịch vụ.

Bên Có : Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào tài khoản tính giá thành.

Tài khoản 622 cuối kỳ không có số dư

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp



1.9.1.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là những chi phí cần thiết còn lại để sản xuất sản phẩm sau chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp. Đây là những chi phí phát sinh trong phạm vi các phân xưởng, bộ phận sản xuất của doanh nghiệp. Để theo dõi các khoản chi phí sản xuất chung, kế toán sử dụng tài khoản 627 “chi phí sản xuất chung”, mở chi tiết theo từng phân xưởng, bộ phận sản xuất, dịch vụ.

Khi hạch toán, chi phí sản xuất chung được chi tiết theo định phí (gồm những chi phí sản xuất gián tiếp, không thay đổi theo số lượng sản phẩm hoàn thành như chi phí khấu hao, chi phí bảo dưỡng máy móc, thiết bị, chi phí quản lý hành chính ở phân xưởng...) và biến phí (gồm những chi phí còn lại, thay đổi theo số lượng sản phẩm hoàn thành).

Bên Nợ : tập hợp chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh

Bên Có : - Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung

- Kết chuyển (hay phân bổ) chi phí sản xuất chung

Tài khoản 627 cuối kỳ không có số dư do đã kết chuyển hay phân bổ hết cho các loại sản phẩm, dịch vụ, lao vụ và được chi tiết thành 6 tài khoản cấp 2:

+ 6271 “Chi phí nhân viên phân xưởng”

+ 6272 “Chi phí vật liệu”

+ 6273 “Chi phí dụng cụ sản xuất”

+ 6274 “Chi phí khấu hao tài sản cố định”

+ 6277 “Chi phí dịch vụ mua ngoài”

+ 6278 “Chi phí bằng tiền khác”

Do chi phí sản xuất chung có liên quan đến nhiều loại sản phẩm, lao vụ, dịch vụ trong phân xưởng nên cần thiết phải phân bổ khoản chi phí này cho từng đối tượng (sản phẩm, dịch vụ) theo tiêu thức phù hợp (theo định mức, theo tiền lương công nhân sản xuất thực tế, theo số giờ làm việc thực tế của công nhân sản xuất...)

* Đối với chi phí sản xuất chung biến đổi, kế toán sẽ phân bổ hết cho lượng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành.

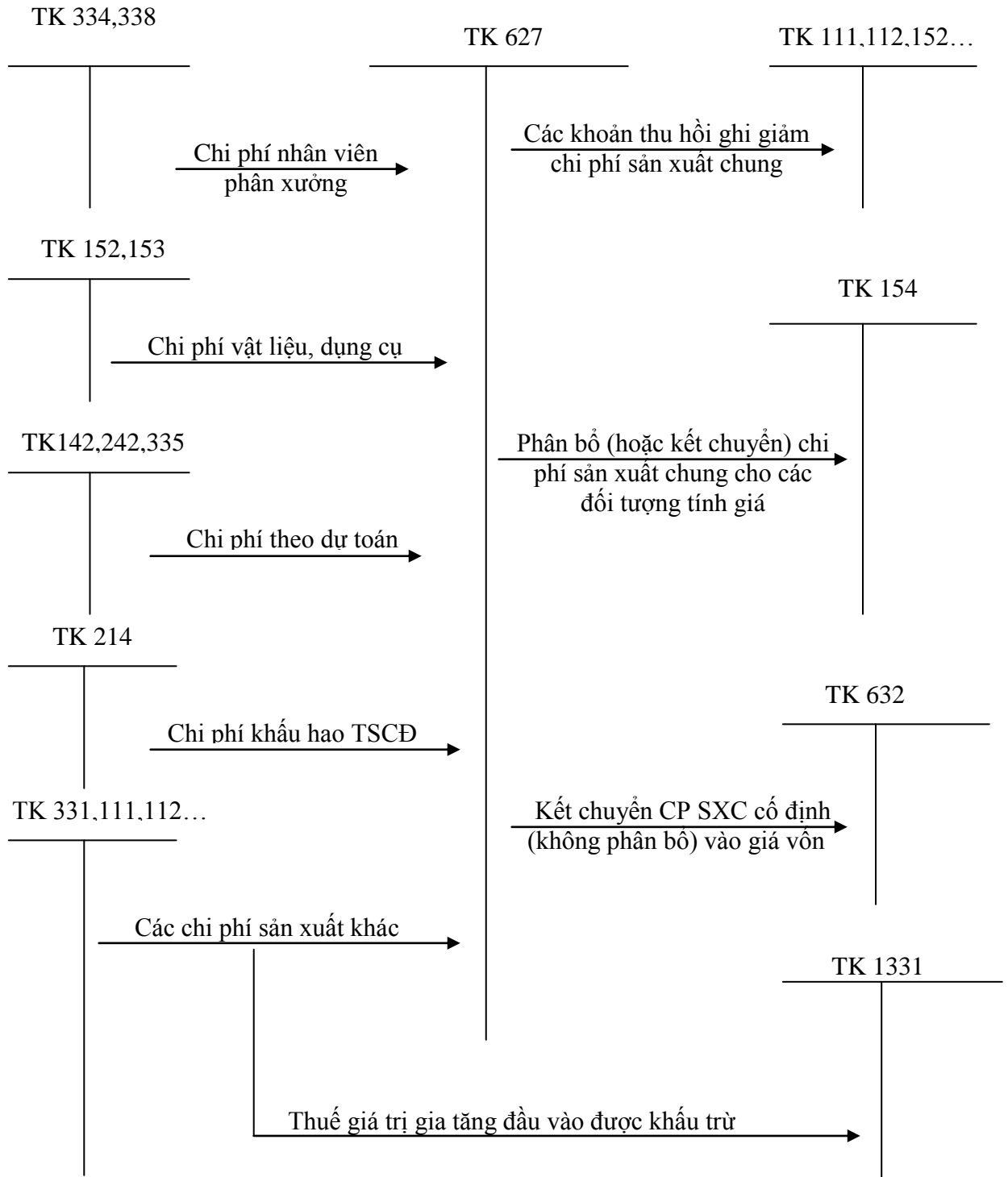
Khóa luận tốt nghiệp

* Đối với định phí sản xuất chung, trong trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất cao hơn mức công suất bình thường (mức công suất bình thường là mức sản phẩm đạt được ở mức trung bình trong điều kiện sản xuất bình thường) thì định phí sản xuất chung được phân bổ hết cho số sản phẩm sản xuất.

Trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất ra nhỏ hơn mức công suất bình thường thì phần định phí sản xuất chung phải phân bổ theo mức công suất, trong đó số định phí sản xuất chung tính cho lượng sản phẩm chênh lệch giữa thực tế so với mức bình thường được tính vào giá vốn hàng tiêu thụ (còn gọi là định phí sản xuất chung không phân bổ). Công thức phân bổ như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức định phí sản xuất} \\ \text{chung phân bổ cho} \\ \text{sản phẩm thực tế} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng tiêu thức phân bổ của} \\ \text{sản phẩm sản xuất thực tế} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng tiêu thức phân bổ của} \\ \text{sản phẩm theo công suất bình thường} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Tổng định phí} \\ \text{sản xuất chung} \\ \text{cần phân bổ} \end{array}$$

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất chung



1.9.1.4. Tổng hợp chi phí sản xuất

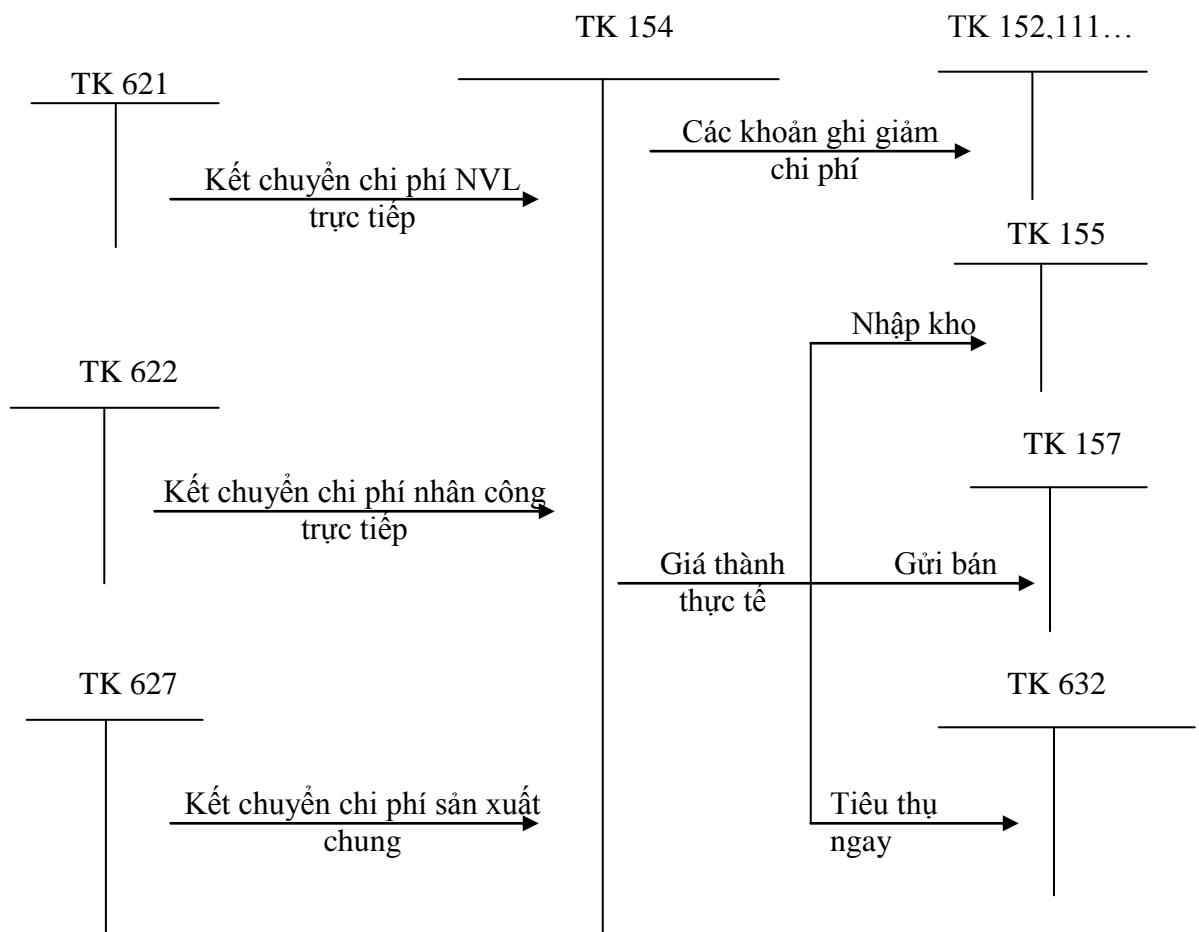
Các phần trên đã nghiên cứu cách hạch toán và phân bổ các loại chi phí sản xuất (chi phí sản phẩm). Các chi phí sản xuất kể trên cuối cùng đều phải được tổng hợp vào bên Nợ tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”. Tài khoản 154 được mở chi tiết theo từng ngành sản xuất, từng nơi phát sinh chi phí hay từng loại sản phẩm, nhóm sản phẩm, chi tiết sản phẩm, từng loại lao vụ, dịch vụ... của các bộ phận sản xuất kinh doanh chính, sản xuất kinh doanh phụ (kể cả thuê ngoài gia công chế biến).

Bên Nợ : Tổng hợp các chi phí sản xuất trong kỳ (chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp; chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung).

Bên Có : - Các khoản ghi giảm chi phí sản phẩm
- Tổng giá thành sản xuất thực tế hay chi phí thực tế của sản phẩm, lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành.

Dư Nợ : Chi phí thực tế của sản phẩm, lao vụ, dịch vụ dở dang, chưa hoàn thành

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí sản phẩm



1.9.2. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Khác với doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, trong các doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến hàng tồn kho không được ghi sổ liên tục. Bởi vậy, cuối kỳ doanh nghiệp phải tiến hành kiểm kê tất cả các loại nguyên, vật liệu, thành phẩm trong kho và tại các phân xưởng cùng với bộ phận sản xuất dở dang để xác định chi phí của sản phẩm hoàn thành, của hàng đã bán. Vì thế, việc hạch toán chi phí sản phẩm trong các doanh nghiệp này cũng có những khác biệt nhất định.

1.9.2.1. Hạch toán chi phí nguyên, vật liệu

Do đặc điểm của phương pháp kiểm kê định kỳ nên chi phí vật liệu xuất dùng rất khó phân định được là xuất cho mục đích sản xuất, quản lý hay cho tiêu thụ sản phẩm. Vì vậy, để phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm, lao vụ, dịch vụ, kế toán cần theo dõi chi tiết các chi phí phát sinh liên quan đến từng đối tượng (phân xưởng, bộ phận sản xuất, sản phẩm, lao vụ...) hoặc dựa vào mục đích sử dụng hay tỷ lệ định mức để phân bổ vật liệu xuất dùng cho từng mục đích.

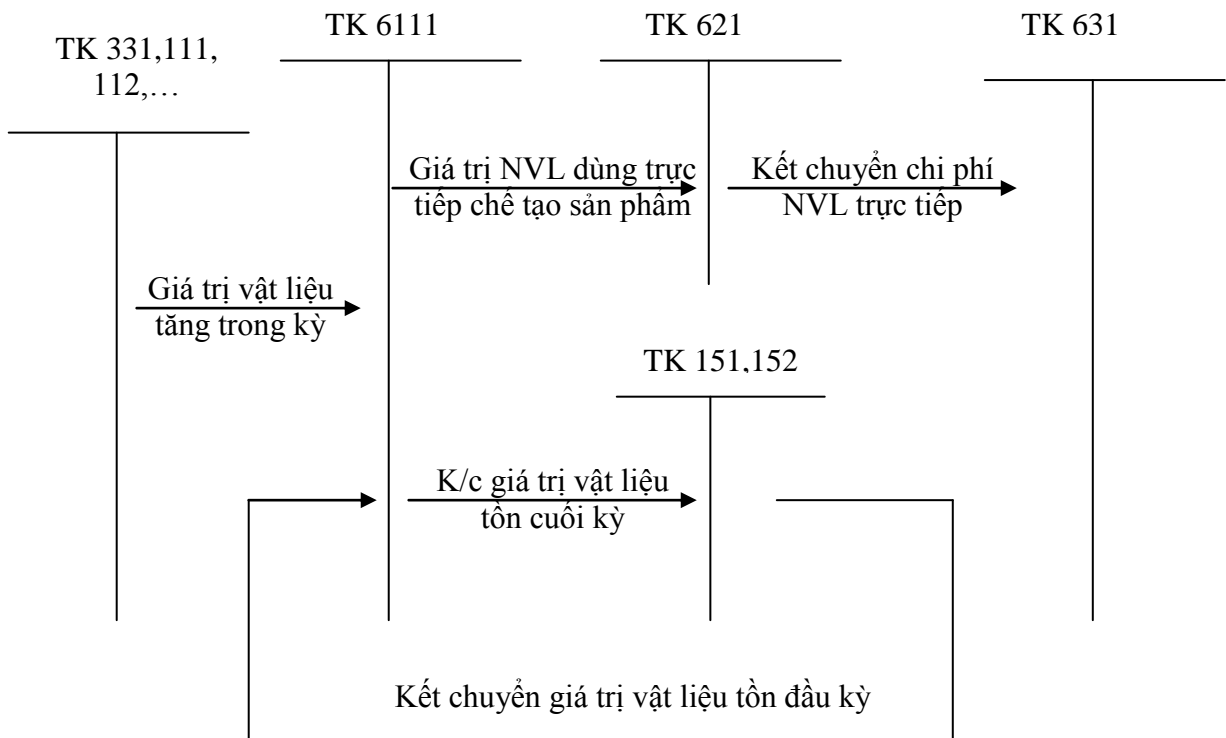
Để phản ánh các chi phí vật liệu đã xuất dùng cho sản xuất sản phẩm, kế toán sử dụng tài khoản 621 “Chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp”. Các chi phí được phản ánh trên tài khoản 621 không ghi theo từng chứng từ xuất dùng nguyên, vật liệu mà được ghi 1 lần vào cuối kỳ hạch toán, sau khi tiến hành kiểm kê và xác định được giá trị nguyên vật liệu tồn kho và đang đi đường. Nội dung phản ánh của tài khoản 621 như sau:

Bên Nợ : giá trị vật liệu đã xuất dùng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ

Bên Có : kết chuyển chi phí vật liệu vào giá thành sản phẩm, dịch vụ, lao vụ.

Tài khoản 621 cuối kỳ không có số dư và được mở theo từng đối tượng hạch toán chi phí (phân xưởng, bộ phận sản xuất, sản phẩm, lao vụ...)

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp



1.9.2.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

Về chi phí nhân công trực tiếp, tài khoản sử dụng và cách tập hợp chi phí trong kỳ giống như phương pháp kê khai thường xuyên. Cuối kỳ, để tính giá thành sản phẩm, lao vụ, dịch vụ, kế toán tiến hành kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào tài khoản 631 theo từng đối tượng.

1.9.2.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung

Toàn bộ chi phí sản xuất chung được tập hợp vào tài khoản 627 “Chi phí sản xuất chung” và được chi tiết theo các tài khoản cấp 2 tương ứng và tương tự như với doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên. Sau đó sẽ được phân bổ vào tài khoản 631 “Giá thành sản xuất”, chi tiết theo từng đối tượng để tính giá thành.

1.9.2.4. Tổng hợp chi phí sản xuất

Để phục vụ cho việc tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán sử dụng tài khoản 631 “Giá thành sản xuất”. Tài khoản này được hạch toán chi tiết theo địa điểm phát sinh chi phí (phân xưởng, bộ phận sản xuất...) và theo loại, nhóm sản phẩm, chi tiết sản phẩm, lao vụ... của cả

Khóa luận tốt nghiệp

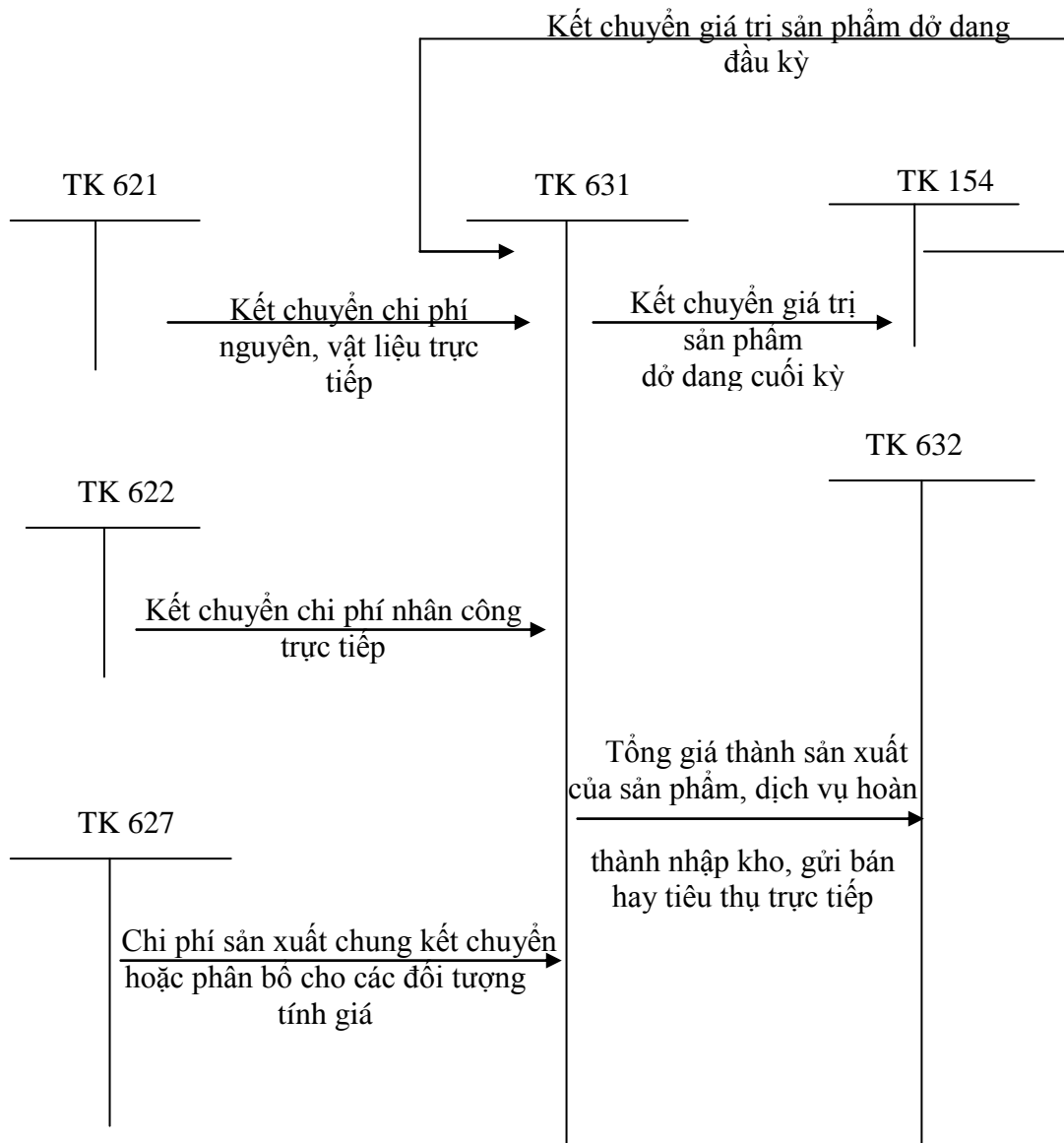
bộ phận sản xuất kinh doanh chính, sản xuất kinh doanh phụ, chi phí thuê ngoài gia công, chế biến...Được hạch toán vào tài khoản 631 “Giá thành sản xuất” bao gồm các chi phí sản xuất liên quan đến sản phẩm hoàn thành (chi phí nguyên vật liệu trực tiếp; chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung). Nội dung phản ánh vào tài khoản 631 như sau:

Bên Nợ : phản ánh trị giá sản phẩm dở dang đầu kỳ và các chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ liên quan tới chế tạo sản phẩm hay thực hiện lao vụ, dịch vụ

Bên Có : - Kết chuyển giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ
- Tổng giá thành sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành

Tài khoản 631 cuối kỳ không có số dư

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm

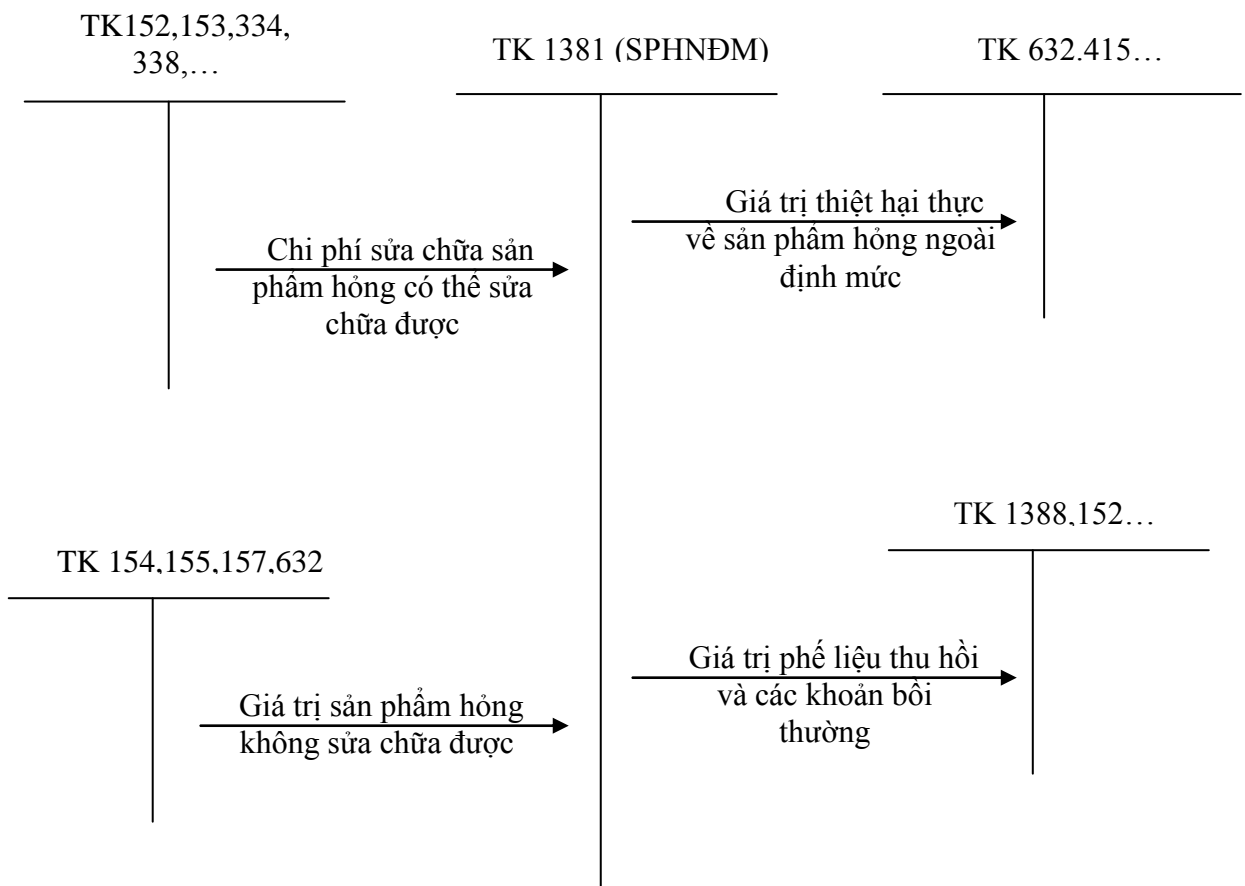


1.10. Hạch toán thiệt hại trong sản xuất

* Hạch toán thiệt hại về sản phẩm hỏng

Sản phẩm hỏng là sản phẩm không thỏa mãn các tiêu chuẩn chất lượng và đặc điểm kỹ thuật của sản xuất và màu sắc, kích cỡ, trọng lượng, cách thức lắp ráp... Tùy theo mức độ hư hỏng mà sản phẩm hỏng được chia làm 2 loại là sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được (là những sản phẩm hỏng mà về mặt kỹ thuật có thể sửa chữa được và việc sửa chữa đó có lợi về mặt kinh tế) và sản phẩm hỏng không sửa chữa được (là những sản phẩm mà về mặt kỹ thuật không thể sửa chữa được hoặc có thể sửa chữa được nhưng không có lợi về mặt kinh tế). Trong quan hệ với công tác kế hoạch, cả 2 loại sản phẩm hỏng nói trên lại được chi tiết thành sản phẩm hỏng trong định mức và sản phẩm hỏng ngoài định mức. Những sản phẩm hỏng mà doanh nghiệp dự kiến sẽ xảy ra trong quá trình sản xuất được coi là hỏng trong định mức.

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thiệt hại về sản phẩm hỏng ngoài định mức

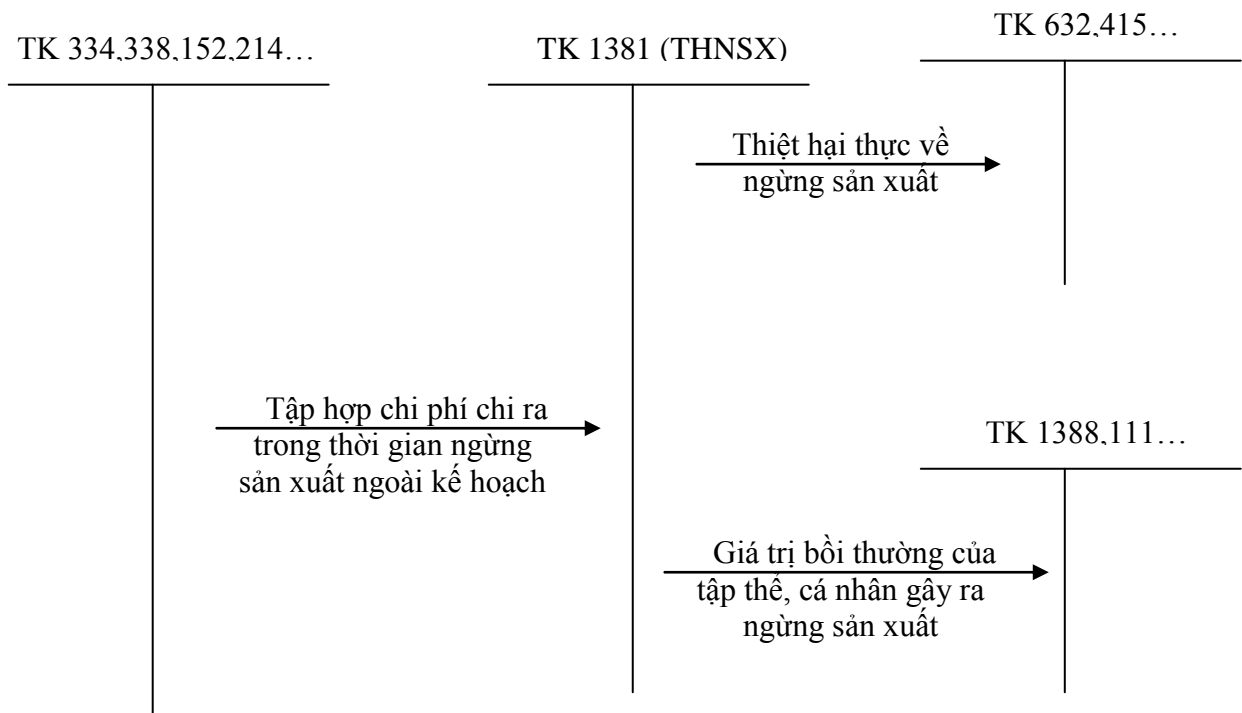


Khóa luận tốt nghiệp

* Hạch toán thiệt hại về ngừng sản xuất

Trong thời gian ngừng sản xuất vì những nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan (thiên tai, địch họa, thiếu nguyên, vật liệu...), các doanh nghiệp vẫn phải bỏ ra 1 số khoản chi phí để duy trì hoạt động như tiền công lao động, khấu hao TSCĐ, chi phí bảo dưỡng... Những khoản chi phí chi ra trong thời gian này được coi là thiệt hại về ngừng sản xuất.

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán tổng hợp thiệt hại ngừng sản xuất ngoài kế hoạch



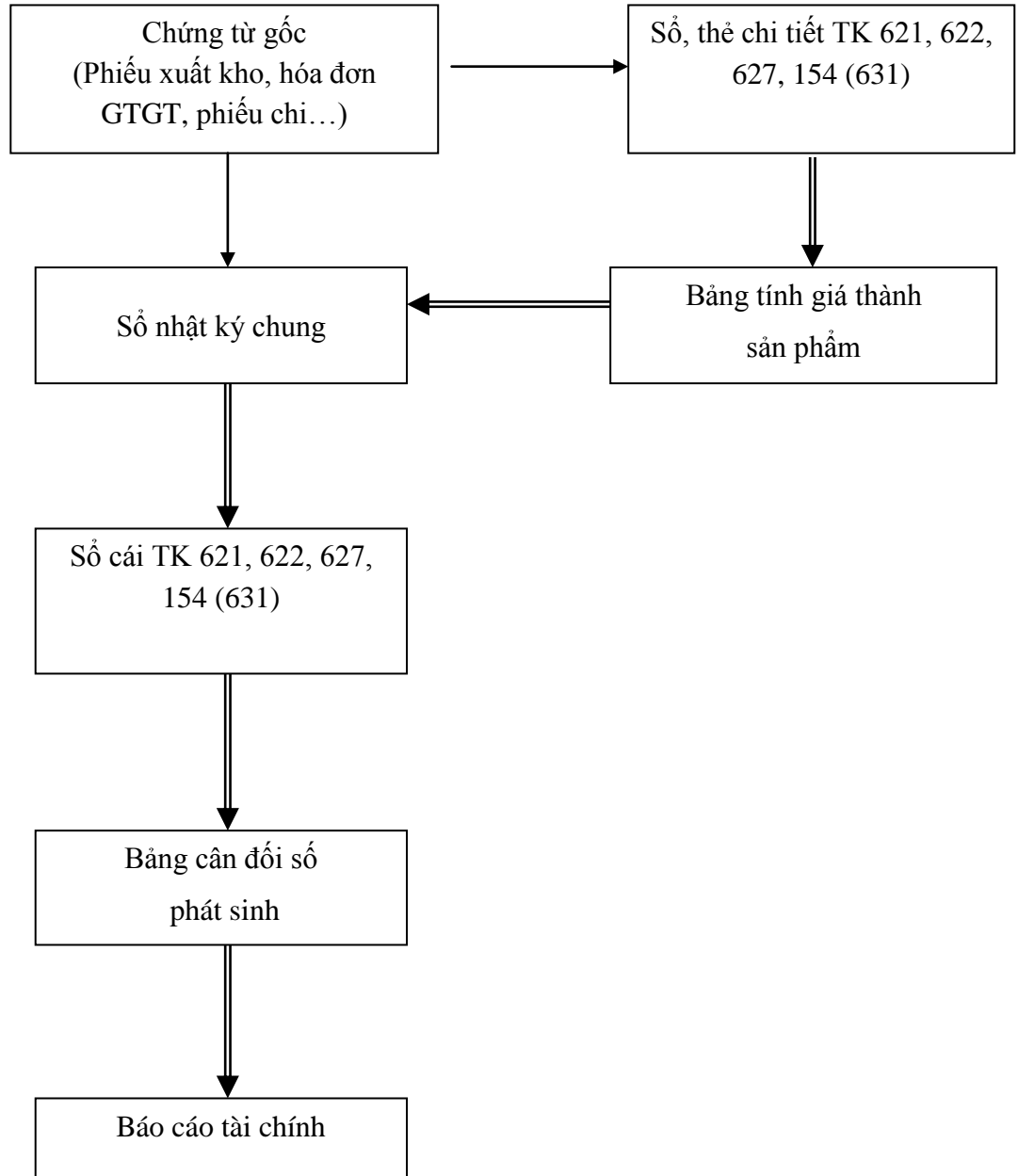
1.11. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – tính giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán.

1.11.1. Hình thức sổ “ Nhật ký chung”

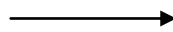
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Sơ đồ 1.9:

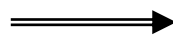
Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:



Ghi hàng ngày



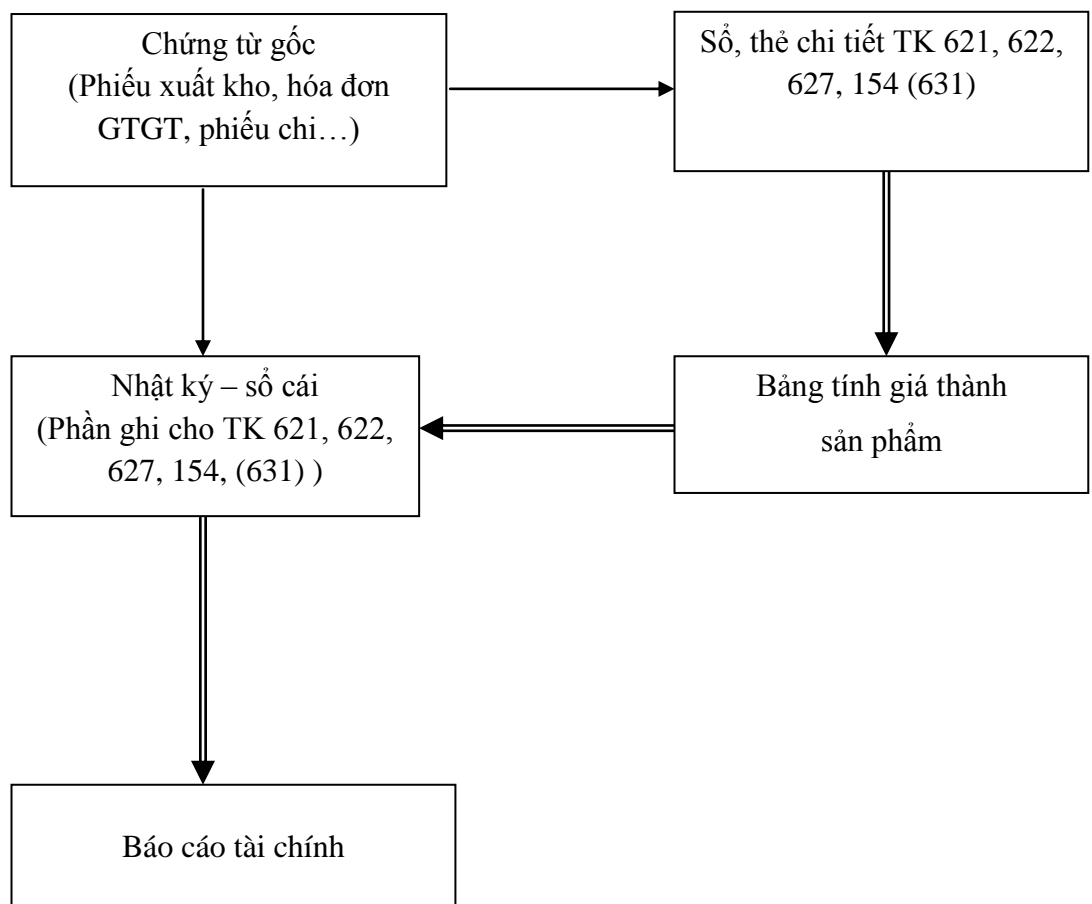
Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

1.11.2. Hình thức “Nhật ký sổ cái”

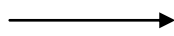
Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc được ghi chép theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – sổ cái.

Sơ đồ 1.10:

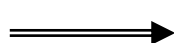
Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký – sổ cái



Ghi chú:



Ghi hàng ngày



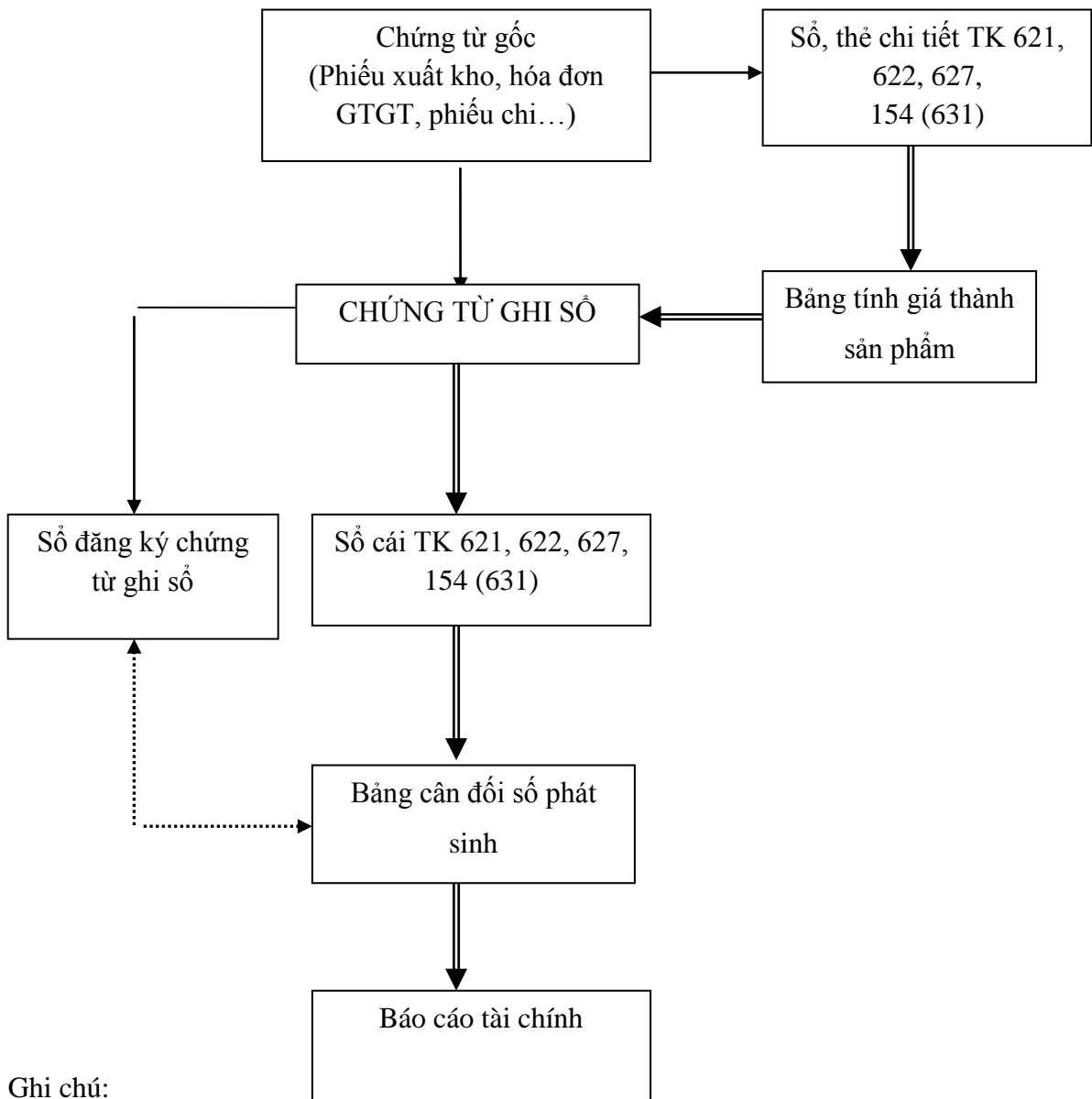
Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

1.11.3. Hình thức “ Chứng từ ghi sổ”

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ kế toán, kế toán tiến hành lập bảng chứng từ cùng loại. Kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ kế toán tiến hành ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó dùng để ghi vào Sổ cái.

Sơ đồ 1.11:

Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

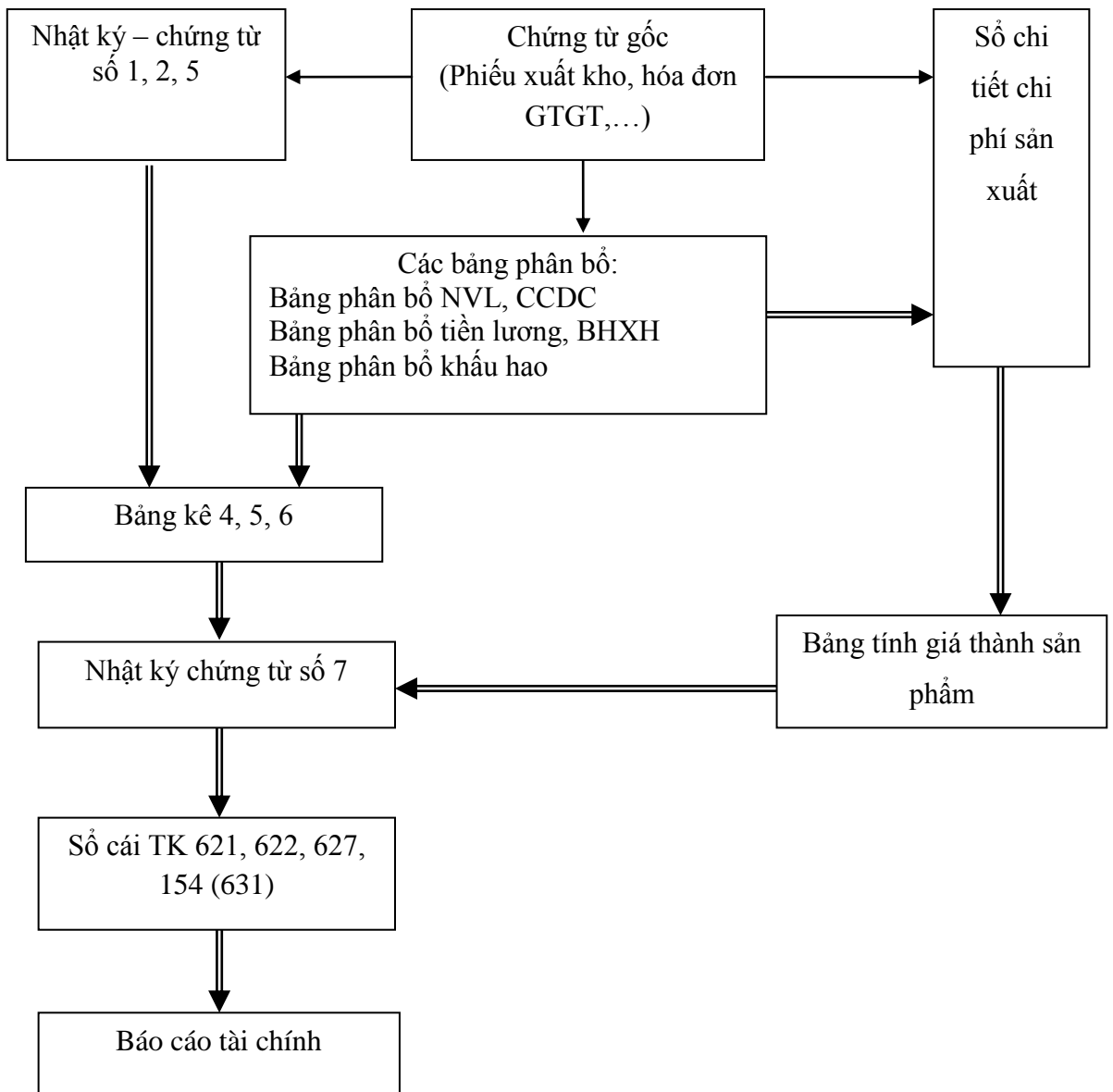
- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu kiểm tra

1.11.4. Hình thức “Nhật ký - chứng từ”

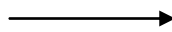
Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc kế toán phản ánh vào các Nhật ký – chứng từ và các bảng kê có liên quan. Cuối tháng căn cứ vào số liệu trên Nhật ký – chứng từ để ghi vào sổ cái tài khoản.

Sơ đồ 1.12:

Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký – chứng từ



Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

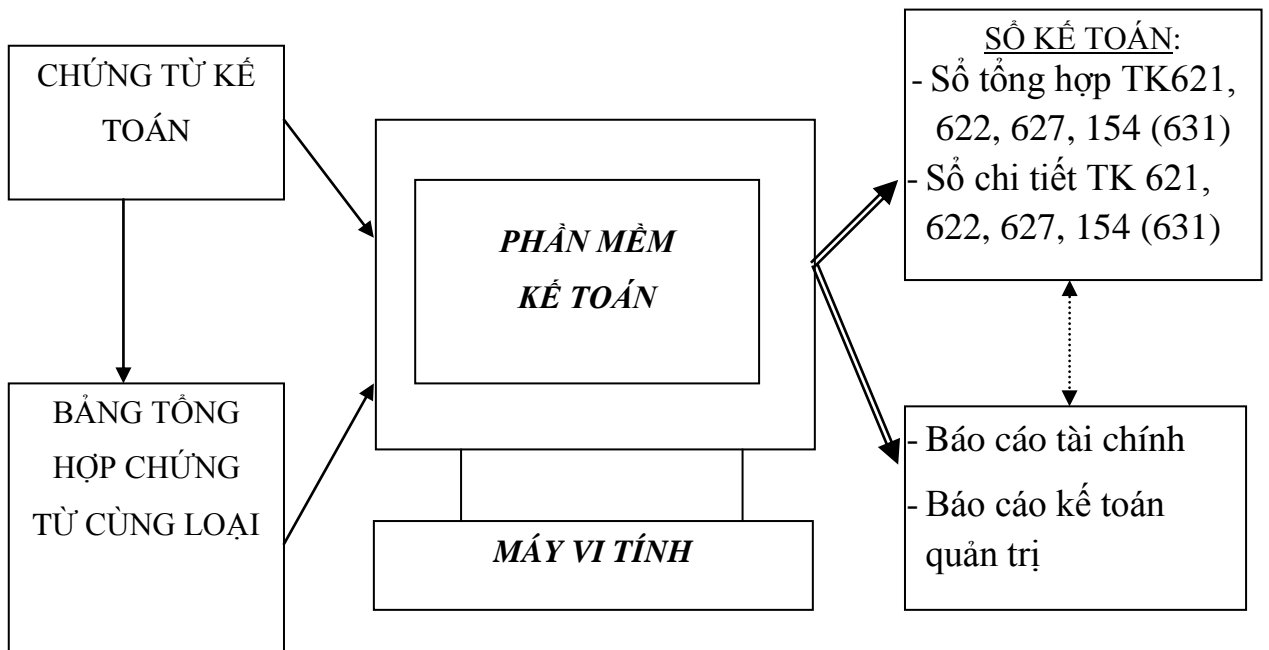
1.11.5 . Hình thức kế toán trên máy vi tính

Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế trên hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây.

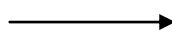
Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào thì sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.13:

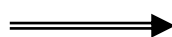
Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Kế toán trên máy vi tính



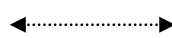
Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Đối chiếu

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LAN PHỐ

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán CPSX và tính Z sản phẩm tại công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phố.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phố.

Công ty TNHH Lan Phố

- Tên đầy đủ : Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phố
- Địa điểm: Thôn Bắc, Xã Lưu Kiếm, Huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng
- Điện thoại : 0313.744.556
- Fax : 0313.744.955
- Giám đốc công ty : Lê Thị Phố
- Mã số thuế : 020073841
- Giấy CNĐKKD : 020073841

Quyết định thành lập công ty :

Công ty TNHH được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 020073841 cấp ngày 24 tháng 04 năm 2007

Vốn điều lệ : 72.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh :

- Sản xuất vật liệu từ đất sét, sản xuất sản phẩm nhựa từ plastic, sản xuất sợi, đồ gỗ xây dựng
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, xây dựng công trình giao thông, công trình điện chiếu sáng, viễn thông; phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng.
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

Khóa luận tốt nghiệp

- Bán buôn, bán lẻ than đá và các nhiên liệu rắn khác; bán buôn bán lẻ gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; bán lẻ than nhiên liệu dùng trong gia đình và các cửa hàng chuyên kinh doanh.
- Kinh doanh, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, vận tải hàng hóa thủy nội địa.

Các giai đoạn phát triển của công ty:

Công ty TNHH Lan Phổ là một công ty mới, được thành lập vào ngày 24/04/2007 theo giấy phép số 020073841 do sở kế hoạch đầu tư Hải Phòng cấp và chính thức đi vào hoạt động tháng 05/2007. Ban đầu trụ sở công ty đặt tại Thông 5, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng. Ngày 12/05/2009 công ty chuyển trụ sở về Thôn Bắc, Xã Lưu Kiếm, Huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng để thuận tiện cho công tác quản lý vì đây là nơi đặt toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị của công ty. Tuy là một doanh nghiệp mới được thành lập nhưng công ty có một hệ thống nhà xưởng hiện đại, các cấp quản lý có trình độ chuyên môn, giàu kinh nghiệm, đội ngũ công nhân viên trẻ, năng động, được đào tạo có bài bản, chính quy, tiếp thu nhanh những kiến thức mới, các sản phẩm của công ty ngày càng thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, phù hợp với sự phát triển chung của nền kinh tế Việt Nam, khu vực và thế giới.

Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty :

Để đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra bình thường công ty TNHH Lan Phổ luôn duy trì mối quan hệ thân thiết với khách hàng và các đối tác để đảm bảo được thị trường tiêu thụ, nguồn cung cấp nguyên vật liệu, mặt khác cũng tìm kiếm và mở rộng phạm vi kinh doanh ra thị trường.

Trải qua quá trình nỗ lực phấn đấu, công ty đã có những bước phát triển đáng kể. Trong kế hoạch mở rộng quy mô cả về số lượng và chất lượng, công ty đã đề ra các biện pháp. Biện pháp chủ yếu của công ty là tập trung cho công tác tiếp thị ổn định thị trường hiện tại, mở mang thêm thị trường mới, đồng thời chú trọng nguồn phát triển nhân lực, tăng cường nhập thiết bị

Khóa luận tốt nghiệp

nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, từ tích lũy của công ty từng bước bổ sung thêm vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Để có thể nhìn rõ hơn tình hình phát triển của công ty, sau đây là một số chỉ tiêu của công ty đã đạt được trong những năm gần đây :

Biểu số 2.1: Bảng đánh giá quá trình phát triển của công ty TNHH Lan Phố

Thông tin tài chính	Năm 2010	Năm 2011	Chênh lệch	
			Số tuyệt đối	Số tương đối
1. Tổng tài sản	34.268.125.289	37.296.415.023	3.028.289.734	9%
2. Tổng nợ phải trả	26.236.892.230	28.744.481.939	2.507.589.709	10%
3. Nguồn vốn CSH	8.031.233.059	8.551.933.084	520.700.025	6%
4. Doanh thu	18.562.486.051	23.146.252.125	4.583.766.074	25%
5. LN TT	2.223.895.320	2.905.174.672	681.279.352	31%
6. LN ST	1.601.204.630	2.178.881.004	577.676.374	36%

Qua số liệu trên ta thấy : năm 2011 các chỉ tiêu tài chính tăng mạnh so với năm 2010. Đặc biệt là doanh thu năm 2011 tăng 25% so với năm 2010, lợi nhuận sau thuế năm 2011 tăng 36% so với năm 2010. Tất cả các bước đi trên đã mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao cho toàn công ty năm 2011.

2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phố

2.1.2.1. Đặc điểm sản phẩm tại công ty TNHH Lan Phố :

Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phố với chức năng chuyên sản xuất gạch tuynel các loại phục vụ xây dựng dân dụng. Các loại gạch sản xuất là:

- Gạch 2 lỗ nhỏ
- Gạch 2 lỗ to
- Gạch 4 lỗ
- Gạch 6 lỗ
- Gạch 3 lỗ chống nóng
- Gạch đặc

Với chức năng hoạt động Sản xuất gạch xây dựng của Công ty đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng quốc phòng, giao thông vận tải, đáp ứng phục vụ cho nhu cầu xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng

2.1.2.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất :

Do đặc điểm là Doanh nghiệp sản xuất trực tiếp chuyên về mặt hàng gạch xây dựng các loại. Công ty TNHH Lan Phô tổ chức ba phân xưởng sản xuất gồm các công đoạn sau:

Phân xưởng 1: - Cơ điện máy ủi

- Chế biến than
- Tạo hình
- Cơ khí

Phân xưởng 2: - Vệ sinh công nghiệp

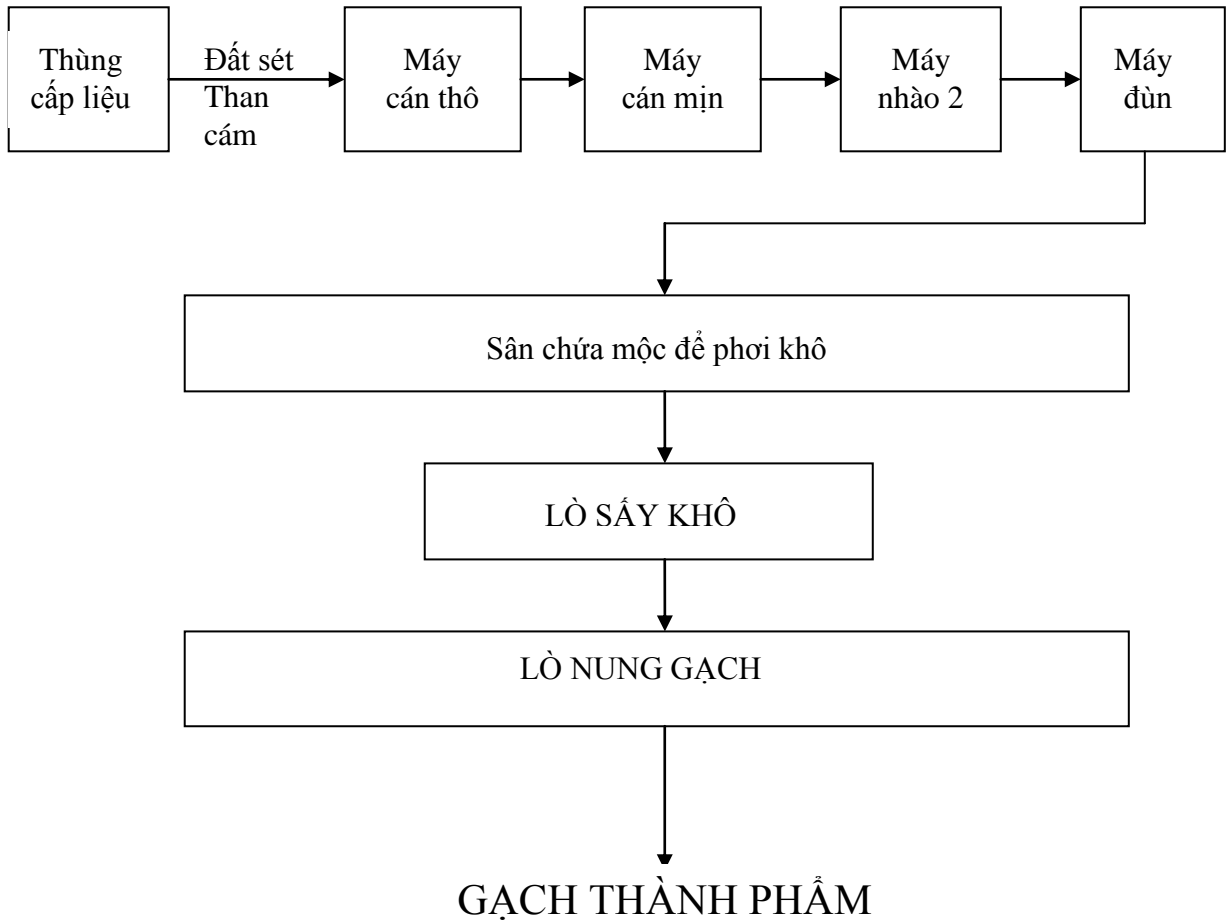
- Xếp lò
- Phoi đảo vận chuyên
- Xếp gòong

Phân xưởng 3: - Nung đốt

- Xuống gòong bốc xe
- Vận chuyên

2.1.2.3. Quy trình công nghệ sản xuất gạch tuynel:

Sơ đồ 2.1 : Sơ đồ dây chuyền sản xuất gạch tuynel



Gạch ngói nung là sản phẩm từ đất sét, để tạo ra được thành phẩm phải trải qua nhiều khâu gồm các bước sau:

Đất sét sau khi ngâm ủ theo đúng thời gian quy định từ trại chứa được xúc đổ vào thùng tiếp liệu để đưa vào công đoạn sơ chế. Công đoạn sơ chế lần lượt gồm: Tiếp liệu —> Tách đá —> Nghiền thô —> Nghiền tinh.

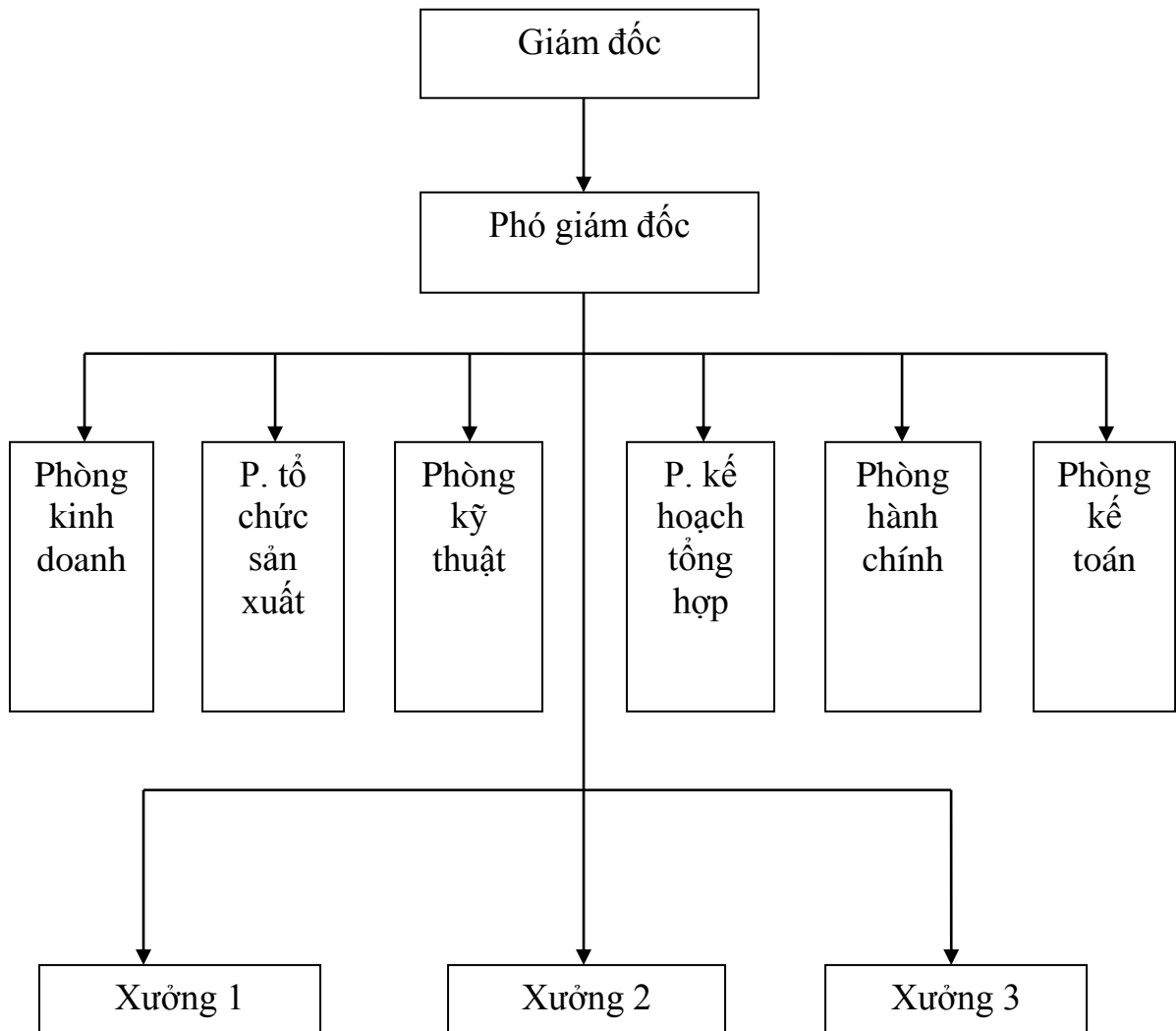
Sau khi sơ chế nguyên liệu đất sét được đưa vào máy nhào trộn 2 trục để trộn với than cám đá nhằm đạt độ dẻo cần thiết để đưa qua máy đùn hút chân không đưa nguyên liệu vào khuôn để tạo ra sản phẩm gạch mộc (gạch chưa nung).

Sản phẩm gạch mộc sau khi có hình dáng chuẩn được vận chuyển lên trại phơi để phơi tự nhiên hoặc sấy phòng trong trường hợp cần thiết cho đến khi sản phẩm đạt độ khô thích hợp.

Xếp phối sản phẩm gạch mộc lên xe goòng (đôi với lò nung tuynel) xông – sấy trong lò nung trong một khoản thời gian nhất định, sau đó chuyển sang lò nung để nung ở nhiệt độ khoảng 900 độ C, sau đó sản phẩm được làm nguội ngay trong lò cho ra thành phẩm.

Sản phẩm sau khi nung được đưa ra lò, phân loại và vận chuyển vào bãi chứa thành phẩm.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phố



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy của công ty

Các phòng chức năng có nhiệm vụ tham mưu giúp việc, theo dõi, nghiên cứu đề xuất, tư vấn cho cấp trên trực tuyến nhưng lại không có quyền giao mệnh lệnh cho các bộ phận sản xuất. Các xưởng chỉ nhận mệnh lệnh sản xuất từ lãnh đạo cấp trên, các ý kiến của những phòng ban quản lý chỉ mang tính tư vấn nghiệp vụ.

Khóa luận tốt nghiệp

- Ưu điểm cơ cấu trực tuyến-chức năng:

+ Ưu: Có sự chuyên môn hóa cao ở các phòng ban, nhân viên tập trung vào chuyên môn. Không đòi hỏi quá nhiều kiến thức ở người lãnh đạo. Dễ lựa chọn, tuyển dụng được nhân viên mới theo yêu cầu công việc.

+ Nhược: Chế độ trách nhiệm có phần chưa rõ ràng, đôi khi dễ xảy ra mâu thuẫn trong công việc.

Sơ lược chức năng từng phòng ban:

- Giám đốc: Điều hành chung, chỉ đạo toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty .

- Phó giám đốc:

+ Thay mặt giám đốc điều hành các công việc thường ngày khi giám đốc đi vắng. Giúp giám đốc Công ty trong công tác quản trị điều hành, kịp thời báo cáo phát sinh bất thường tại Công ty .

+ Trực tiếp phụ trách các vấn đề liên quan tới sản xuất, kinh doanh của Công ty .

+ Thực hiện công tác đối nội trong nội bộ Công ty , các quan hệ liên quan đến chính quyền và các ban ngành tại địa phương

- Phòng kế hoạch tổng hợp: Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm của Công ty, theo dõi và chỉ đạo chung quá trình thực hiện sản xuất kinh doanh, báo cáo phân tích kết quả sản xuất và hiệu quả, chỉ đạo và hướng dẫn công tác sản xuất, kinh doanh. Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh cho các xưởng, tổ đội sản xuất.

- Phòng kinh doanh: Tổ chức thực hiện các vấn đề liên quan tới mua bán các máy móc, vật tư, thành phẩm, bán thành phẩm, kho bãi, hàng hóa thuộc Công ty phụ trách.

- Phòng kỹ thuật: Lập, thiết kế, kiểm tra quy cách kỹ thuật của các bản vẽ mẫu bao bì. Nghiên cứu, cập nhật các vấn đề liên quan tới kỹ thuật, áp dụng các kỹ thuật sản xuất mới vào Công ty. Chỉ đạo, giám sát công việc theo đúng công nghệ - kỹ thuật, kiểm tra phát hiện các sai sót, hạn chế của quá trình sản xuất; hướng dẫn điều chỉnh, cải tiến kịp thời các máy móc, thiết bị

Khóa luận tốt nghiệp

trong quá trình thực hiện. Tổ chức thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị. Tổng hợp, báo cáo về hệ thống trang thiết bị, máy móc của Công ty và đề xuất mua sắm, sửa chữa.

- Phòng kế toán: Quản lý công tác thu- chi dòng tiền của Công ty .Theo dõi, tính toán đảm bảo tính chính xác về nguồn vốn, công nợ. Hạch toán hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn Công ty theo thời gian.

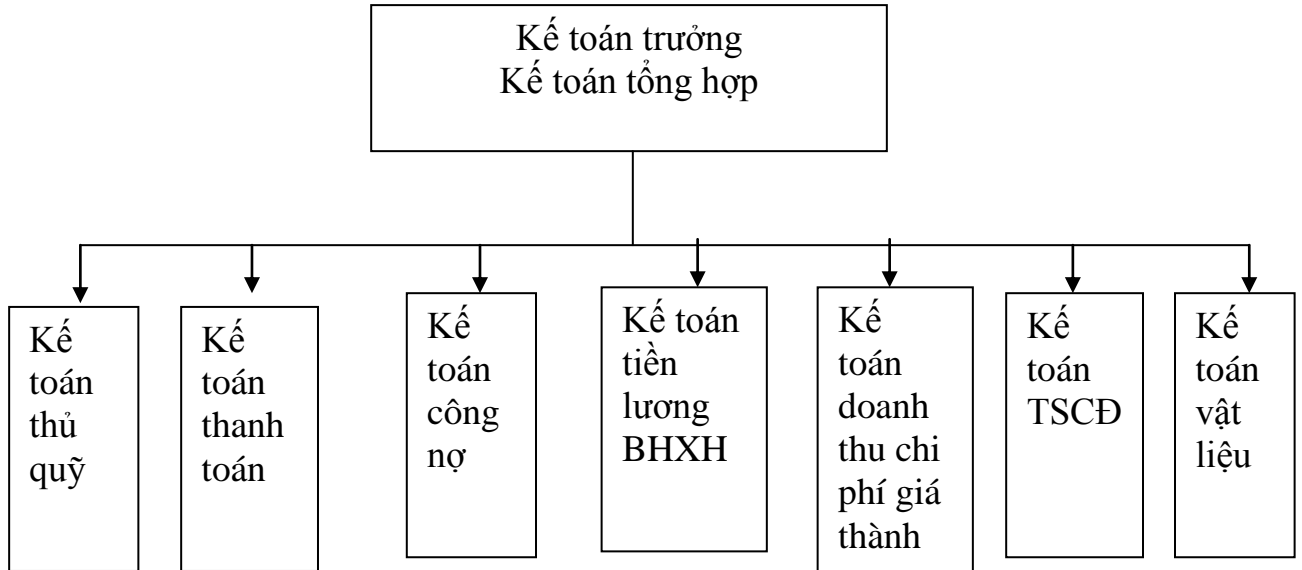
- Phòng hành chính: Thực hiện việc quản lý các chính sách về nguồn nhân sự, theo dõi ý thức, thái độ, lương thưởng, tuyển dụng, đào tạo, đánh giá thực hiện công việc của công nhân viên, khuyến khích, động viên nhắc nhở, đề xuất khen thưởng hay kỷ luật và các vấn đề liên quan tới tâm lý đời sống công nhân viên trong Công ty .

- Phòng tổ chức sản xuất: Điều hành hoạt động sản xuất của Công ty theo nhiệm vụ, kế hoạch được giao. Cân đối năng lực sản xuất của Công ty , chủ động đề xuất các giải pháp nâng cao hệ số khai thác, sử dụng máy móc và nguồn nhân lực của Công ty. Tổ chức phân công công việc, đôn đốc, hướng dẫn công nhân trong ca sản xuất đảm bảo đúng tiến độ, yêu cầu chất lượng. Phụ trách công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ tại các tổ sản xuất, đảm bảo ngăn ngừa hiệu quả các nguy cơ mất an toàn lao động có thể xảy ra.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phố

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

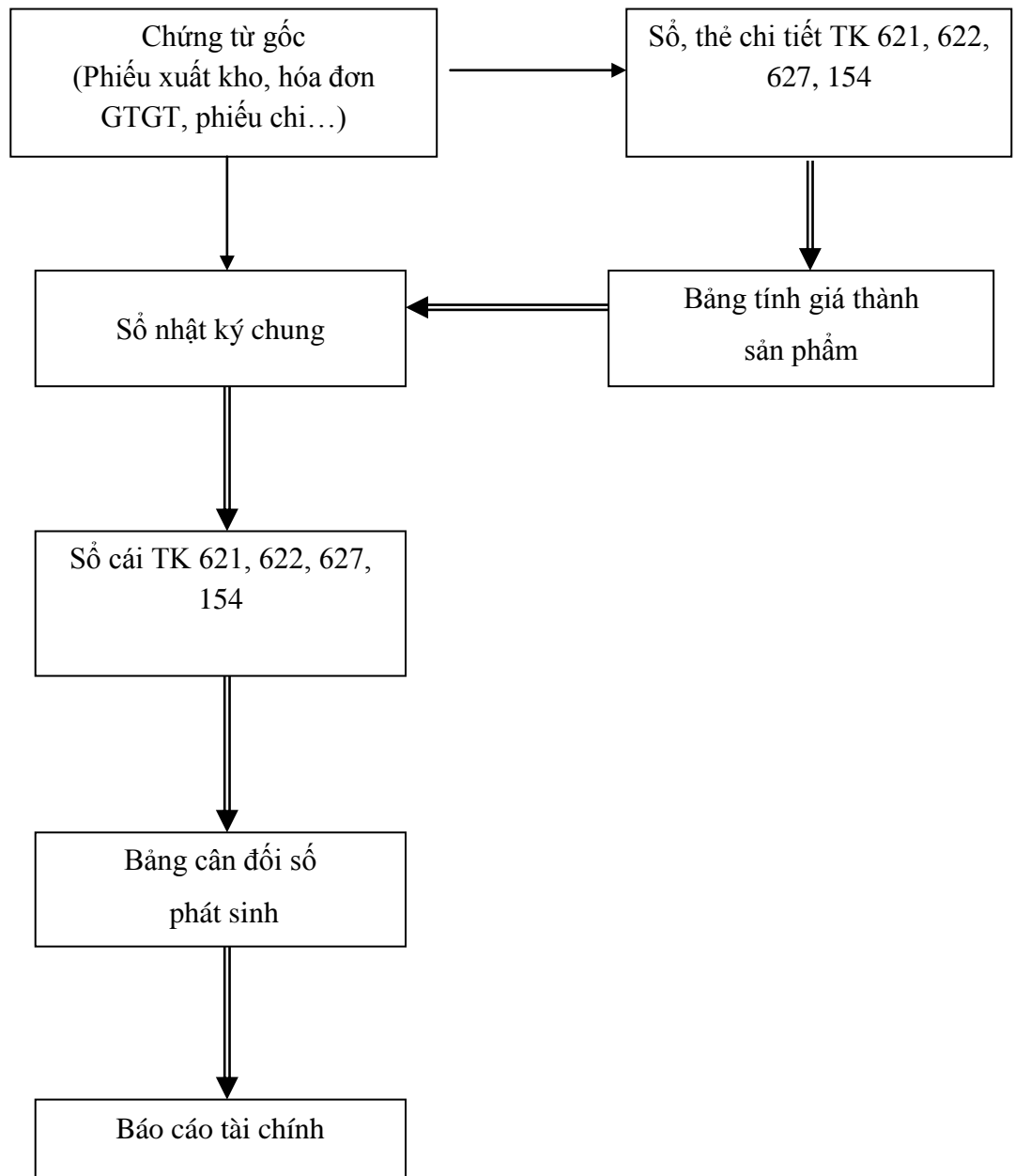


- Trách nhiệm và quyền hạn của kế toán trưởng: Giúp giám đốc chỉ đạo toàn bộ công tác tài chính, kế toán thống kê, thông tin kinh tế trong toàn công ty. Chỉ đạo tổ chức điều hành, hướng dẫn, kiểm tra mọi hoạt động liên quan đến công tác hạch toán
- Bộ phận kế toán thanh toán và công nợ: Kiểm tra và lập các chứng từ thu chi theo dõi các khoản vay, tạm ứng, thanh toán công nợ.
- Bộ phận kế toán tiền lương, bảo hiểm xã hội: Theo dõi thực hiện thanh toán tiền lương cho các đơn vị, kiểm tra đối chiếu các khoản trích nộp BHXH.
- Bộ phận kế toán doanh thu chi phí, giá thành: Tổng hợp và tính toán doanh thu, chi phí và tính giá.
- Bộ phận kế toán TSCĐ, theo dõi việc quản lý sử dụng TSCĐ, công cụ lao vụ, dịch vụ.
- Bộ phận kế toán vật liệu: Theo dõi tính toán tổng hợp việc xuất, nhập tồn kho nguyên vật liệu.
- Bộ phận kế toán thủ quỹ: Thu nhận giao dịch ngân hàng, trả tiền tại quỹ theo các chứng từ thanh toán, chịu trách nhiệm trực tiếp về tính an toàn và đủ các quỹ.

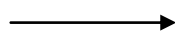
2.1.4.2. Chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH Lan Phố

- Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam.
- Chế độ kế toán áp dụng : Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.
- Hình thức kế toán áp dụng: hình thức kế toán Nhật ký chung
- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc được quy định cụ thể cho từng vật tư , hàng hóa.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: phương pháp đường thẳng.
- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: bình quân cả kỳ dự trữ.
- Phương pháp tính thuế GTGT : phương pháp khấu trừ

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH Lan Phố



Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phố

2.2.1. Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, công ty phải bỏ ra nhiều loại chi phí khác nhau như: chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhiên liệu, tiền lương, khấu hao TSCĐ, chi phí sửa chữa máy móc thiết bị,... Căn cứ vào đặc điểm sản xuất sản phẩm và căn cứ vào phương pháp tính giá thành, toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong tháng được chia ra làm các khoản mục sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Chi phí nguyên vật liệu là toàn bộ hao phí về đối tượng lao động sử dụng trong kỳ sản xuất, trong đó một bộ phận lớn được tính vào chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là những chi phí nguyên vật liệu có liên quan trực tiếp đến đối tượng chịu phí, nó tham gia cấu thành nên thực thể sản phẩm, tạo ra đặc trưng vật lý cho sản phẩm.

- Chi phí nhân công trực tiếp:

Chi phí nhân công trực tiếp là số tiền phải trả, phải thanh toán cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm. Đây là bộ phận chủ yếu trong tổng chi phí nhân công.

- Chi phí sản xuất chung:

Chi phí sản xuất chung là tất cả các chi phí cần thiết phục vụ cho quá trình sản xuất nhưng chưa được xếp vào hai loại phí kể trên.

Tại công ty TNHH Lan Phố chi phí SXC bao gồm: chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí khấu hao TSCĐ tại phân xưởng; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Lan Phố.

2.2.2.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất tại công ty TNHH Lan Phố

Xác định đối tượng kế toán hạch toán chi phí sản xuất là khâu đặc biệt quan trọng trong toàn bộ công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá

thành sản xuất của sản phẩm. Việc xác định đúng đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là cơ sở để hạch toán chi phí sản xuất một cách đúng đắn.

Công ty TNHH Lan Phố là công ty chuyên sản xuất các loại gạch xây dựng với nhiều sản phẩm khác nhau. Quy trình sản xuất có tính đồng nhất cao. Dựa trên đặc điểm, đặc thù mà Công ty xác định đối tượng tập hợp chi phí theo từng loại sản phẩm.

2.2.2.2. Đối tượng và kỳ tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Lan Phố

Dựa vào đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất, Công ty TNHH Lan Phố sản xuất nhiều loại gạch khác nhau, tập hợp chi phí sản xuất riêng cho từng sản phẩm nên đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành cuối cùng của mỗi loại.

Để xác định kỳ tính giá thành sản phẩm cho từng đối tượng tính giá thành phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và chu kỳ sản xuất sản phẩm của Công ty. Sản phẩm của Công ty có chu kỳ rất ngắn, số lượng sản phẩm hoàn thành hàng ngày lớn nên Công ty chọn kỳ tính giá thành là tháng. Việc này giúp cung cấp thông tin về giá thành sản phẩm được cập nhật kịp thời, nhất là khi giá cả thị trường biến động như thời gian gần đây.

2.2.4. Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính Z sản phẩm tại công ty TNHH Lan Phố.

2.2.4.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại công ty TNHH Lan Phố.

Để thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh, nguyên vật liệu trực tiếp đóng vai trò vô cùng quan trọng trong số những yếu tố đầu vào của sản xuất. Tại công ty TNHH Lan Phố, nguyên vật liệu trực tiếp được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Do vậy, đòi hỏi việc cập nhật thường xuyên thông tin về nhập, xuất nguyên vật liệu.

Nguyên, vật liệu trực tiếp bao gồm: than cám, đất sét

Công ty sử dụng tài khoản 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp để tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của từng sản phẩm.

Khóa luận tốt nghiệp

TK 621.001: tài khoản chi phí NVL trực tiếp của gạch mộc 2 lỗ

TK 621.002: tài khoản chi phí NVL trực tiếp của gạch mộc 4 lỗ

TK 621.003: tài khoản chi phí NVL trực tiếp của gạch mộc 6 lỗ

TK 621.004: tài khoản chi phí NVL trực tiếp của gạch mộc 8 lỗ

TK 621.005: tài khoản chi phí NVL trực tiếp của gạch đặc

Hàng ngày theo kế hoạch sản xuất của phòng kế hoạch tổng hợp tính ra nhu cầu nguyên vật liệu dựa trên định mức tiêu hao nguyên vật liệu của từng sản phẩm và lập phiếu đề nghị xuất nguyên vật liệu. Thủ kho nguyên vật liệu căn cứ vào số lượng và chủng loại ghi trên phiếu đã được phê duyệt để tiến hành xuất nguyên vật liệu và ghi thẻ kho. Phiếu xuất kho là chứng từ để ghi sổ kế toán, được lập thành 3 liên

- Liên 1: Kế toán nguyên vật liệu giữ để tiến hành đối chiếu cuối kỳ

- Liên 2: Được giao cho nhân viên phân xưởng (đơn vị sử dụng) để cuối tháng làm báo cáo quyết toán vật tư sử dụng trong kỳ.

- Liên 3: Lưu nội bộ

Hiện nay công ty áp dụng phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ để xác định giá trị nguyên vật liệu xuất kho. Theo phương pháp này giá trị nguyên vật liệu xuất kho được xác định như sau:

$$\text{Giá trị NVL xuất kho} = \text{Số lượng NVL xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ}$$

$$\text{Đơn giá bình quân của NVL } i \text{ xuất dùng} = \frac{\text{Trị giá NVL } i \text{ tồn kho đầu tháng} + \text{Tổng giá trị thực tế NVL } i \text{ nhập kho trong tháng}}{\text{Số lượng NVL } i \text{ tồn kho đầu tháng} + \text{Số lượng NVL } i \text{ nhập kho trong tháng}}$$

Thủ kho sau khi nhận được đề nghị của phân xưởng sản xuất và căn cứ vào kế hoạch sản xuất đã tiến hành xuất kho nguyên liệu phục vụ sản xuất ngày 07/09 của công ty TNHH Lan Phố. Kế toán dựa vào số lượng nguyên vật liệu thực xuất để lập phiếu xuất kho. (Biểu số 2.2)

Biểu số 2.2: Phiếu xuất kho

Công Ty TNHH Lan Phố

Mẫu số 01- VT

Thôn Bắc, Luru Kiếm, Thủy Nguyên, HP

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 07 tháng 09 năm 2012

Số: 08

Nợ: 621.001

Có: 152

Họ và tên người nhận hàng: Lê Ngọc Mai

Địa chỉ (bộ phận): phân xưởng sản xuất

Lý do: xuất dùng cho sản xuất gạch mộc 2 lỗ

Nhập tại kho: kho công ty

STT	Tên nhãn hiệu, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số Lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
01	Đất sét		m ³		4.790		
	Cộng				4.790		

Tổng số tiền(Viết bằng chữ) :

Số chứng từ kèm theo : 01 chứng từ gốc

Ngày 07 tháng 09 năm 2012

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty TNHH Lan Phố)

Khóa luận tốt nghiệp

Căn cứ Phiếu xuất (Biểu số 2.2), Kế toán tiến hành lập Bảng kê xuất kho (Biểu số 2.3) cho từng loại nguyên vật liệu. Trong bài chỉ xét Bảng kê phiếu xuất kho của nguyên vật liệu Đất sét

Biểu số 2.3: Bảng kê xuất kho

TRÍCH BẢNG KÊ XUẤT KHO

Số 05

Tháng 09 năm 2012

Tên nguyên, vật liệu: Đất sét

Số phiếu xuất	Ngày xuất	Diễn giải	Số lượng
08	07/09/2012	Xuất để sản xuất gạch mộc 2 lỗ	4.790
09	08/09/2012	Xuất để sản xuất gạch mộc 2 lỗ	3.352
		Cộng lượng	8.142
		Đơn giá	60.571
		Tổng tiền	493.169.082

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

Người lập
(*đã ký*)

Kế toán trưởng
(*đã ký*)

(*Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty TNHH Lan Phố*)

Khóa luận tốt nghiệp

Kế toán xác định đơn giá xuất đất sét theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ như sau:

Ví dụ: Dựa vào Sổ chi tiết vật liệu sản phẩm hàng hóa theo dõi cho đất sét có các số liệu sau :

- Số lượng tồn kho đầu tháng : 182.295 m³ với trị giá 11.041.795.091 đồng

- Tổng lượng nhập trong tháng: 0 m³ với trị giá 0 đồng

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân của đất sét} &= \frac{11.041.795.091}{182.295} \\ &= 60.571 \text{ (đ/m}^3\text{)} \end{aligned}$$

Khóa luận tốt nghiệp

Căn cứ vào Bảng kê xuất kho (Biểu số 2.2), kế toán vào sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa(Biểu số 2.4)

Biểu số 2.4 : Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá

Công Ty TNHH Lan Phô

Thôn Bắc, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, HP

Mẫu số S10-DN

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tháng 09 năm 2012

Tên, quy cách VL, DC, SP, HH : Đất sét

Tài khoản : 152

Đơn vị tính : m³

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		Tồn đầu kỳ							182.295	11.041.795.091
PXK08	07/09	Xuất đất sét sản xuất gạch mộc 2 lỗ	621.001	60.571			4.790	290.135.090		
PXK09	08/09	Xuất đất sét sản xuất gạch mộc 2 lỗ	621.001	60.571			3.352	203.033.992		
		Cộng phát sinh								
		Tồn cuối kỳ							177.494	10.751.616.647

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty TNHH Lan Phô)

Khóa luận tốt nghiệp

Từ Bảng kê xuất kho (Biểu số 2.3) Kế toán vào Sổ chi tiết 621

Biểu số 2.5: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Công Ty TNHH Lan Phố

Thôn Bắc, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, HP

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tháng 09 năm 2012

Tên tài khoản : Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu: 621.001

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Tổng số tiền		Chia ra	
SH	NT			Nợ	Có	Vật liệu chính	Vật liệu phụ
		Số dư đầu kỳ					
BKX05	30/09	Xuất đất sét sản xuất gạch mộc 2 lỗ	152	290.135.090		290.135.090	
BKX05	30/09	Xuất đất sét sản xuất gạch mộc 2 lỗ	152	203.033.992		203.033.992	
BKX06	30/09	Xuất vật liệu gầy phục vụ sx	152	30.275.545			30.275.454
...
		Cộng phát sinh		28.125.465.203	28.125.465.203	4.493.169.082	300.856.952

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty TNHH Lan Phố)

Khóa luận tốt nghiệp

Từ Bảng kê xuất kho (Biểu số 2.3), Kế toán vào sổ Nhật ký chung(Biểu số 2.6)

Biểu số 2.6: Nhật ký chung

Công Ty TNHH Lan Phố

Thôn Bắc, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, HP

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

ĐVT: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số	Ngày tháng				Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
.....
07/09	BKX05	30/09	Xuất kho NVL sản xuất gạch mộc 2 lỗ		621.001 152	290.135.090	290.135.090
.....
04/09	PC12	04/09	Thanh toán tiền mua bánh trung thu		642 133 111	16.681.818 1.668.182	18.350.000
05/09	GBC115	05/09	Công ty Lan Hưng thanh toán tiền hàng		112 131	20.000.000	20.000.000
...
			Cộng chuyển trang sau			37.016.779.805	37.016.779.805

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty TNHH Lan Phố)

Biểu số 2.7: Sổ cái TK 621

Công Ty TNHH Lan Phố

Mẫu số S03b-DN

Thôn Bắc, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, HP Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 09 năm 2012

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu: 621

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số phát sinh			
07/09	BKX05	30/09	Sản xuất gạch mộc 2 lỗ	152	290.135.090	
30/09	BKX05	30/09	Sản xuất gạch mộc 6 lỗ	152	191.568.200	
...
30/09	BKX05	30/09	Sản xuất gạch mộc 4 lỗ	152	313.251.000	
.....
30/09	PKT09	30/09	Kết chuyển chi phí NVLTT	154		3.478.379.490
			Cộng phát sinh		3.478.378.490	3.478.378.490

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty TNHH Lan Phố)

2.2.4.2. *Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại công ty TNHH Lan Phố*

Do đặc điểm sản xuất tại công ty TNHH Lan Phố, các loại gạch khác nhau đều được sản xuất cùng một quy trình công nghệ đồng nhất nên đều sử dụng chung một lượng lao động như nhau. Chi phí nhân công trực tiếp của công ty được tập hợp chung cho ba phân xưởng sản xuất. Sau đó được phân bổ đều cho số lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

Công ty sử dụng TK 622 - Chi phí nhân công trực tiếp để tập hợp chi phí tiền lương, phụ cấp, các khoản trích theo lương của công nhân sản xuất và nhân viên quản lý ba phân xưởng sản xuất rồi phân bổ cho từng sản phẩm theo số lượng hoàn thành.

*** Lương công nhân sản xuất:**

Công ty TNHH Lan Phố sử dụng hình thức tiền lương thời gian để trả lương cho công nhân sản xuất...Như vậy, chi phí nhân công trực tiếp bao gồm:

- Tiền lương trả theo thời gian
- Phụ cấp trách nhiệm

+ Lương trả theo thời gian được xác định:

Đơn giá tiền lương theo ngày công = (Mức lương / 26) x Ngày công

Mức lương tối thiểu công ty áp dụng: 1.050.000 đồng/tháng

Tiền phụ cấp trách nhiệm: công ty trả phụ cấp trách nhiệm cho mỗi quản đốc ở phân xưởng là 250.000 đồng/người/tháng, tổ trưởng ở tất cả các bộ phận thuộc phân xưởng là 200.000 đồng/người/tháng

Công nhân tại 3 phân xưởng do quản đốc từng phân xưởng phụ trách. Mỗi phân xưởng chia thành các tổ do tổ trưởng quản lý, chịu trách nhiệm trước quản đốc về công việc của tổ mình. Hàng ngày tổ trưởng theo dõi tình hình lao động của công nhân trong tổ và chấm công. Cuối tháng, các tổ trưởng tổng hợp bảng chấm công, phiếu báo ốm, báo nghỉ... gửi cho quản đốc phân xưởng duyệt. Quản đốc phân xưởng gửi lên phòng kế hoạch tổng hợp duyệt, sau đó chuyển sang phòng kế toán. Trên cơ sở đó kế toán lập Bảng thanh toán tiền lương.

Các khoản trích theo lương

Công ty TNHH Lan Phổ trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo quy định hiện hành với tỷ lệ trích đưa vào chi phí nhân công trực tiếp đối với công nhân trong toàn công ty như sau: BHXH 17%, BHYT 3%, BHTN 1% tính trên tiền lương cơ bản, KPCĐ 2% tính trên tổng quỹ lương.

Các khoản khấu trừ lương

Các khoản khấu trừ lương là các khoản BHXH, BHYT, BHTN mà người lao động phải chịu tính trên tổng tiền lương cơ bản. Cụ thể như sau: BHXH 7%, BHYT 1,5% , BHTN 1%

Biểu số 2.8: Bảng chấm công

Công ty TNHH Lan Phố

Thôn Bắc, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, HP

BẢNG CHẤM CÔNG

Bộ phận : Tổ gòong

Tháng 09 năm 2012

TT	Họ và tên	Chức vụ	Các ngày công trong tháng																		Tổng số công	
			1	2	...	9	10	11	12	...	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31		
1	Trần Văn An	TTSX	+	+	...	+	+		+	...	+	+	+		+	+	+	+	+		26	
2	Lê Văn Bình	CN	+	+	...	+	+		+	...	+	+	+		+	+	+	+	+		26	
3	Lê Văn Đức	CN	+	+	...	+	+		+	...	+	+	+		+	+	+	+	+		26	
4	Đào Xuân Vinh	CN	+	+	...	+	+		+	...	+	+	+		+	+	+	+	+		26	
5	Trần Văn Dũng	CN	+	+	...	+	+		+	...	+	+	+		+	+	+	+	+		26	
6	Phạm Đức Tiến	CN	+	+	...	+	+		+	...	+	+	+		+	+	+	+	+		26	
7	Đoàn Văn Quân	CN	+	+	...	+	+		+	...	+	+	+		+	+	+	+	+		26	
8	Bùi Xuân Quế	CN	+	+	...	+	+		+	...	+	+	+		+	+	+	+	+		26	
...	

Người chấm công

Phụ trách bộ phận

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty TNHH Lan Phố)

Khóa luận tốt nghiệp

Bảng chấm công của bộ phận Tổ gòong (Biểu số 2.8) và Bảng chấm công của bộ phận QLDN, Bảng chấm công của các phân xưởng, Kế toán lập bảng tính lương của toàn công ty.(Biểu số 2.9).

Biểu số 2.9: Bảng thanh toán lương

Công ty TNHH Lan Phố

Thôn Bắc, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, HP

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 09 năm 2012

STT	Họ và tên	Chức vụ	Hệ số	Lương cơ bản	Phụ cấp	Thu nhập	Các khoản trích tính vào chi phí					Các khoản trích trừ vào lương			
							BHXH (17%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	KPCĐ (2%)	Cộng (23%)	BHXH (7%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng (9,5%)
I	Bộ phận QL PX														
1	Lê Thị Lan	QĐ	2.99	3.139.500	400.000	3.539.500	533.715	94.185	31.935	70.790	730.625	247.765	53.093	35.395	336.253
...
	Cộng			30.552.053	4.700.000	35.252.053	5.193.849	916.562	305.521	705.041	7.120.973	3.467.644	528.781	352.521	4.348.946
II	Lương PX1														
15	Trần Văn An	QĐ	2.67	2.803.500	250.000	3.053.500	476.595	84.105	28.035	61.070	649.805	213.745	45.803	30.535	290.083
...
	Cộng			350.250.159	2.250.000	352.500.159	59.542.527	10.507.505	3.502.502	7.050.003	80.602.537	24.675.011	5.287.502	3.525.002	33.487.515
III	Lương PX2														
...
200	Trần Văn Bình	CN	2.22	2.331.000		2.331.000	396.270	69.930	23.310	46.620	536.130	163.170	34.965	23.310	221.445
...
	Cộng			382.748.012	2.250.000	384.998.012	65.067.162	11.482.440	3.827.480	7.699.960	88.077.042	26.949.861	5.774.970	3.849.980	36.574.811
IV	Lương PX3														
...
502	Phạm Thị Lan	TT	2.4	2.520.000	200.000	2.720.000	428.400	75.600	25.200	54.400	583.600	190.400	40.800	27.200	258.400
503
	Cộng			335.758.219	2.250.000	338.008.219	57.078.897	10.072.747	3.357.528	6.760.164	77.269.336	23.660.575	2.075.123	3.380.082	32.110.780
	Cộng lương 3 PX				6.750.000	1.075.506.390	181.688.586	32.062.692	10.687.510	21.510.127	245.948.915	75.285.447	16.132.596	10.755.064	102.173.107
	Tổng cộng				11.450.000	1.110.758.443	196.882.435	32.979.254	10.993.031	22.215.168	253.069.888	78.753.091	16.661.377	11.107.585	106.522.053

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty TNHH Lan Phố)

Ví dụ : Cách lập chi phí tổng tiền lương của công nhân Trần Văn Bình trong tháng 09 năm 2012.

* Lương tối thiểu : 1.050.000đ

Hệ số lương : 2.22

-> Lương cơ bản : $1.050.000 \times 2.22 = 2.331.000đ$

* Các khoản trích theo lương trừ vào lương của công nhân Trần Văn Bình :

BHXH : $2.331.000 \times 7\% = 163.170đ$

BHYT : $2.331.000 \times 1.5\% = 34.965đ$

BHTN : $2.331.000 \times 1\% = 23.310đ$

-> Tổng các khoản trích theo lương phải nộp của công nhân Trần Văn Bình:

$$163.170 + 34.965 + 23.310 = 221.445đ$$

-> Lương thực tế mà công nhân Trần Văn Bình được lĩnh là :

$$2.331.000 - 221.445 = 2.109.555đ$$

* Đối với các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất:

Công ty trích các khoản trích vào chi phí theo đúng chế độ quy định của Nhà nước: 17% đối với BHXH, 3% đối với BHYT, 2% đối với KPCĐ và 1% đối với BHTN.

Số tiền công ty phải nộp cho công nhân Trần Văn Bình là:

BHXH : $2.331.000 \times 17\% = 396.270đ$

BHYT : $2.331.000 \times 3\% = 69.930đ$

BHTN : $2.331.000 \times 1\% = 23.310đ$

KPCĐ : $2.331.000 \times 2\% = 46.620đ$

-> Tổng các khoản trích theo lương tính vào chi phí:

$$396.270 + 69.930 + 23.310 + 46.620 = 536.130đ$$

Khóa luận tốt nghiệp

Từ Bảng thanh tiền lương (Biểu số 2.9) của toàn công ty , Kế toán tập hợp số liệu lập Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương (Biểu số 2.10).

Biểu số 2.10: Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương

Công ty TNHH Lan Phố

Thôn Bắc, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, HP

TRÍCH BẢNG PHÂN BỐ LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

Tháng 09 năm 2012

STT	Ghi Nợ	Ghi có TK 334	Ghi có TK 3382(2%)	Ghi có TK 3383(17%)	Ghi có 3384(3%)	Ghi có TK 3389(1%)	Tổng cộng
1	TK 622						
	Gạch mộc 2 lỗ	329.969.849	6.557.975	55.742.783	9.836.962	3.278.987	402.149.028
...
	Cộng TK 622	1.075.506.390	21.510.128	181.688.586	32.062.692	10.687.564	1.321.455.360
2	TK 627	35.252.053	705.041	4.888.328	916.562	305.520	42.067.504
	Tổng cộng	1.110.758.443	22.215.169	176.641.350	33.120.254	11.040.084	1.363.522.864

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty TNHH Lan Phố)

Khóa luận tốt nghiệp

Căn cứ vào Bảng thanh toán lương (Biểu số 2.9) và Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương (Biểu số 2.10), Kế toán tiến hành ghi Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.11).

Biểu số 2.11: Nhật ký chung**Công Ty TNHH Lan Phố****Thôn Bắc, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, HP****Mẫu số S03a-DN**

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

ĐVT: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số	Ngày tháng				Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
30/09	BTTL09	30/09	Lương phải trả CNV tháng 9 Khấu trừ lương		622 627 334 622 627 334 338	1.075.506.390 35.252.053 247.366.470 8.107.972 105.522.052	1.110.758.443 360.996.494
30/09	BTTL09	30/09	Thanh toán tiền lương		334 111	1.004.236.390	1.004.236.390
			Cộng chuyển sang trang sau			37.016.779.805	37.016.779.805

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty TNHH Lan Phố)

Biểu số 2.12: Sổ cái TK 622

Công ty TNHH Lan Phố

Thôn Bắc, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, HP

TRÍCH SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 09 năm 2012

Tên tài khoản: chi phí nhân công trực tiếp

Số hiệu TK : 622

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số phát sinh trong kỳ			
30/09	BTTL09	30/09	Tiền lương công nhân	334	1.075.506.390	
30/09	BTTL09	30/09	Trích KPCĐ	3382	21.510.128	
30/09	BTTL09	30/09	Trích BHXH	3383	181.688.586	
30/09	BTTL09	30/09	Trích BHYT	3384	32.062.692	
30/09	BTTL09	30/09	Trích BHTN	3389	10.687.564	
30/09	PKT09	30/09	Kết chuyển chi phí nhân công	154		1.321.455.360
			Cộng số phát sinh		1.321.455.360	1.321.455.360

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty TNHH Lan Phố)

2.2.4.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung tại công ty TNHH Lan Phố

Chi phí sản xuất chung là những chi phí bỏ ra để phục vụ sản xuất cho toàn bộ bộ phận sản xuất. Chi phí sản xuất chung phát sinh trong tất cả các phân xưởng, tổ đội sản xuất bao gồm chi phí CCDC, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài...

Tại Công ty TNHH Lan Phố, để theo dõi các khoản chi phí sản xuất chung, kế toán sử dụng TK 627- chi phí sản xuất chung.

Dựa vào các bút toán kế toán nhập liệu, tổng hợp các chi phí sản xuất chung phát sinh tại ba phân xưởng và các tổ, đội phụ trợ. Cuối tháng, căn cứ vào tổng số gạch hoàn thành và số gạch thành phẩm của từng loại để phân bổ các khoản chi phí sản xuất chung cho từng loại gạch theo công thức như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{sản xuất chung} \\ \text{của gạch loại } i \end{array} = \frac{\text{số gạch thành phẩm loại } i}{\text{tổng số gạch thành phẩm}} \times \begin{array}{l} \text{tổng chi phí SXC} \\ \text{của toàn bộ bộ} \\ \text{phận sản xuất} \\ \text{trong kỳ} \end{array}$$

Chi phí nhân viên phân xưởng

Chi phí nhân viên phân xưởng được thể hiện Biểu số 2.9 : “ Bảng thanh toán lương tháng 09/2012 ” của toàn Công ty, Biểu số 2.10 “ Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương ”

Chi phí khấu hao TSCĐ

Trích khấu hao TSCĐ là nhằm thu hồi lại vốn đầu tư trong một khoảng thời gian nhất định để tái sản xuất TSCĐ khi TSCĐ bị hư hỏng phải thanh lý loại bỏ khỏi quá trình sản xuất.

Để tính khấu hao TSCĐ, Công ty TNHH Lan Phố sử dụng phương pháp khấu hao đường thẳng. Căn cứ vào nguyên giá và thời gian sử dụng của từng loại TSCĐ, kế toán tính ra mức khấu hao theo công thức:

$$\text{Mức khấu hao bình quân năm} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng của TSCĐ}}$$

$$\text{Mức khấu hao bình quân tháng} = \frac{\text{Mức khấu hao bình quân năm}}{12}$$

Cuối tháng, kế toán Công ty mở bảng tính khấu hao TSCĐ để làm căn cứ trích khấu hao cho bộ phận phân xưởng và văn phòng.

Biểu số 2.13: Bảng khấu hao TSCĐ

Công ty TNHH Lan Phố

Thôn Bắc, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, HP

TRÍCH BẢNG TỔNG HỢP TRÍCH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 09 năm 2012

ST T	Ngày tháng bàn giao	Tên TSCĐ	Thời hạn sử dụng(năm)	Nguyên giá	GTHMLK đến cuối tháng 8	Trích khấu hao tháng 9			Giá trị còn lại
						627	642	Cộng	
...
005	01/09/10	Nhà xưởng SX	20	3.159.122.000	355.401.225	13.163.008		13.163.008	2.790.557.767
...
010	01/12/10	Máy vi tính	10	131.128.200	26.225.640	327.820	764.915	1.092.735	103.809.825
...
075	01/09/12	Máy ủi bánh xích	8	420.000.000		4.375.000		7.375.000	415.625.000
...
		Cộng		62.486.365.120	29.236.656.236	1.124.732.206	109.589.365	1.234.321.571	32.015.387.313

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty TNHH Lan Phố)

Chi phí công cụ, dụng cụ dùng cho phân xưởng

Đối với những công cụ, dụng cụ hoặc máy móc không được tính là TSCĐ trong xưởng nhưng giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài sẽ được xuất và theo dõi trên TK 242 rồi được phân bổ dần vào chi phí sản xuất chung theo thời gian sử dụng ước tính của loại dụng cụ, máy móc đó.

Ví dụ: Ngày 01/09/2012 mua băng tải cao su HD 0121 xuất thẳng cho phân xưởng sản xuất theo hóa đơn GTGT số 005623.

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.14: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao cho khách hàng

Ngày 01 tháng 09 năm 2012

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: QE/2012B

Số: 0056231

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH Hưng Lan.....

Mã số thuế: 020075263.....

Địa chỉ : Thủy Nguyên, Hải Phòng.....

Số tài khoản:

Điện thoại:.....

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Lan Phố.....

Địa chỉ: Thôn Bắc, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM mã số thuế: 020073841

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1.	Băng tải cao su HD0121	m	1	898.000	898.000
Cộng tiền hàng:					898.000
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	89.800
Tổng cộng thanh toán:					987.800
Số tiền bằng chữ: Chín trăm tám mươi bảy nghìn, tám trăm đồng./					

Người mua hàng

(Đã ký)

Người bán hàng

(Đã ký)

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty TNHH Lan Phố)

Khóa luận tốt nghiệp

Căn cứ vào Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương (Biểu số 2.10), Bảng khấu hao TSCĐ (Biểu số 2.13) và Hóa đơn giá trị gia tăng (Biểu số 2.14), Kế toán vào Nhật ký chung (Biểu số 2.15)

Biểu số 2.15: Nhật ký chung

Công Ty TNHH Lan Phô

Thôn Bắc, Lư Kiếm, Thủy Nguyên, HP

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

ĐVT: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số	Ngày tháng				Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
.....
30/09	BTTL09	30/09	Tính lương phải trả cho nhân viên QLPX		627 334	35.252.053	32.252.053
30/09	BTTL09	30/09	Các khoản trích cho nhân viên QLPX		627 338	6.815.451	6.815.451
30/09	HĐGTGT 0056231	30/09	Mua CCDC xuất thẳng phục vụ sản xuất		627 133 111	898.000 89.800	987.800
30/09	BTKH09	30/09	Trích khấu hao bộ phận sản xuất		627 214	1.124.732.206	1.124.732.206
			Cộng chuyển trang sau			37.016.779.805	37.016.779.805

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty TNHH Lan Phô)

Khóa luận tốt nghiệp

Từ Nhật ký chung (Biểu số 2.15), Kế toán vào Sổ cái (Biểu số 2.16)

Biểu số 2.16: Sổ cái TK 627

Công ty TNHH Lan Phố

Thôn Bắc, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, HP

TRÍCH SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 09 năm 2012

Tên tài khoản: chi phí sản xuất chung

Số hiệu TK : 627

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số phát sinh trong kỳ			
30/09	BTTL09	30/09	Tiền lương công nhân	334	35.252.053	
30/09	BTTL09	30/09	Các khoản trích cho nhân viên QLPX	338	6.815.451	
30/09	HĐGTGT 0056231	30/09	Mua CCDC xuất thẳng phục vụ sản xuất	111	987.800	
30/09	BTKH09	30/09	Trích khấu hao bộ phận sản xuất	214	1.124.732.206	
30/09	PKT09	30/09	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	154		2.269.115.738
			Cộng số phát sinh		2.269.115.738	2.269.115.738

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty TNHH Lan Phố)

2.2.4.4. Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm.

Đánh giá sản phẩm dở dang:

Hiện nay công ty TNHH Lan Phố đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo số lượng sản phẩm hoàn thành. Theo phương pháp này thì giá trị sản phẩm dở dang bao gồm chi phí NVL chính, NVL phụ và nhiên liệu. Còn chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung được kế toán phân bổ hết cho sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

Hàng tháng, ban kiểm kê của công ty được thành lập, gồm kế toán, quản đốc phân xưởng và tổ trưởng các tổ sản xuất. Ban này có trách nhiệm cân đo, xác định khối lượng cụ thể và lập Biên bản kiểm kê. Kế toán căn cứ vào số lượng thực tế qua kiểm kê và định mức từng loại nguyên vật liệu nằm trong sản phẩm dở dang và xác định số lượng NVL cụ thể từng loại tồn trong sản phẩm dở dang của tháng.

Vào ngày 30/09, ban kiểm kê tiến hành kiểm kê sản phẩm dở dang tại 3 phân xưởng, số liệu kiểm kê thu được như sau:

Biểu số 2.17: Bảng kê số lượng sản phẩm hoàn thành

BẢNG KÊ SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM

GẠCH MỘC HOÀN THÀNH

Tháng 09 năm 2012

STT	Sản phẩm	Số lượng
1	Gạch đặc	2.245.123
2	Gạch mộc 2 lỗ	2.943.556
.....
5	Gạch mộc 8 lỗ	1.598.265
	Cộng	9.594.256

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty TNHH Lan Phố)

Biểu số 2.18: Bảng tổng hợp giá trị sản phẩm dở dang

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ SẢN PHẨM DỒ DANG

Tháng 09 năm 2012

TT	Nội dung	PX1	PX2	PX3	ĐVT	Đơn giá	Thành tiền
1	Đất sét	54	-	-	M ³	60.574	3.270.996
2	Than cám	-	16,3	-	Tấn	511.733	8.341.248
...	...						
8	Mỡ chịu nhiệt	9	7	6	Kg	62.499	1.374.978
9	Dầu Diesel	50	57	61	Lít	20.800	3.494.400
...	...						
16	Xăng	38	16	29	Lít	21.300	1.767.900
	Tổng cộng						31.545.415

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty TNHH Lan Phố)

$$\frac{\text{Giá trị SPDD phân bổ cho gạch loại } i}{\text{số thành phẩm của gạch loại } i} = \frac{\text{tổng giá trị SPDD của toàn bộ bộ phận sản xuất}}{\text{tổng số thành phẩm}}$$

$$\begin{aligned} \text{Giá trị SPDD phân bổ cho gạch mộc 2 lỗ} &= \frac{2.943.556}{\text{tổng số thành phẩm}} \times 31.545.415 \\ &= 9.678.259 \text{ đ} \end{aligned}$$

Tổng hợp chi phí sản xuất

Giá thành sản phẩm của công ty TNHH Lan Phổ được xác định theo phương pháp giản đơn, công thức như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \textit{Tổng giá thành} & & \textit{Chi phí sản} & & \textit{Chi phí sản} & & \textit{Chi phí sản} \\ \textit{sản phẩm hoàn} & = & \textit{xuất dở dang} & + & \textit{xuất phát sinh} & - & \textit{xuất dở dang} \\ \textit{thành} & & \textit{đầu kỳ} & & \textit{trong kỳ} & & \textit{cuối kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{c} \textit{Giá thành thực tế} \\ \textit{của sản phẩm} \end{array} = \frac{\textit{Tổng giá thành của sản phẩm hoàn thành}}{\textit{Số lượng sản phẩm hoàn thành}}$$

Ví dụ: Tính giá thành sản phẩm gạch mộc 2 lỗ sản xuất trong tháng 09/2012

- Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ : 12.025.468 đ
- Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: 9.678.259 đ
- Phân bổ chi phí tính giá thành sản phẩm gạch mộc 2 lỗ theo số lượng sản phẩm hoàn thành.

Trong đó :

- + Số lượng sản phẩm hoàn thành của gạch mộc 2 lỗ: 2.943.556 viên
- + Tổng số lượng sản phẩm hoàn thành : 9.594.256 viên

→ Phân bổ chi phí nhân công trực tiếp cho gạch mộc 2 lỗ:

Tổng chi phí nhân công trực tiếp : 1.075.506.390 đ

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí NCTT} \\ \text{(gạch mộc 2 lỗ)} \end{array} = \frac{\text{SLSP hoàn thành của gạch mộc 2 lỗ}}{\text{Tổng số lượng sản phẩm hoàn thành}} \times \begin{array}{l} \text{Tổng chi phí} \\ \text{NCTT} \end{array}$$
$$= \frac{2.943.556}{9.594.256} \times 1.075.506.390$$
$$= 329.969.649 \text{ đ}$$

Khóa luận tốt nghiệp

→ Phân bổ chi phí sản xuất chung cho gạch mộc 2 lỗ :

Tổng chi phí sản xuất chung: 2.269.115.738 đ

$$\begin{aligned} \text{Chi phí SXC} &= \frac{\text{SLSP hoàn thành của gạch mộc 2 lỗ}}{\text{Tổng số lượng sản phẩm hoàn thành}} \times \text{Tổng chi phí SXC} \\ (\text{gạch mộc 2 lỗ}) &= \frac{2.943.556}{9.594.256} \times 2.269.115.738 \\ &= 696.173.757 \text{ đ} \end{aligned}$$

Biểu số 2.19 : Bảng phân bổ chi phí

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ

Tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Tên sản phẩm	SL sản phẩm hoàn thành	Hệ số phân bổ	Chi phí SXC	Chi phí NCTT
...
Gạch đặc	2.245.123	0,2340	530.973.083	251.668.495
Gạch mộc 2 lỗ	2.943.556	0,3068	696.173.757	329.969.649
Gạch mộc 8 lỗ	1.598.265	0,1666	378.034.682	179.179.365
...
Cộng	9.594.256		2.269.115.738	1.075.506.390

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

Người lập sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: phòng kế toán công ty Cổ phần HP Phamar)

Khóa luận tốt nghiệp

Từ Sổ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (Biểu số 2.5), Bảng phân bổ chi phí (Biểu số 2.19), Kế toán vào bảng tính giá thành sản phẩm, dịch vụ theo khoản mục (Biểu số 2.20).

Biểu số 2.20: Bảng tính giá thành sản phẩm, dịch vụ theo khoản mục

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ THEO KHOẢN MỤC

Tên sản phẩm, dịch vụ : gạch mộc 2 lỗ

Tháng 09 năm 2012

Số lượng sản phẩm hoàn thành 2.943.556 viên

Khoản mục chi phí	Chi phí SXDD đầu kỳ	Chi phí sản xuất trong kỳ	Chi phí SCDD cuối kỳ	Tổng giá thành	Giá thành đơn vị
1. TK 621	12.025.468	629.544.561	9.678.259	631.891.780	215
2. TK 622	–	329.969.649	–	329.969.649	112
3. TK 627	–	696.176.757	–	696.176.757	237
Cộng	12.025.468	1.318.421.861	9.678.259	1.320.769.080	564

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

Người lập sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty TNHH Lan Phố)

Khóa luận tốt nghiệp

Kết thúc đợt sản xuất, nhập kho thành phẩm, kế toán viết phiếu nhập kho
(Biểu số 2.21)

Biểu số 2.21: Phiếu nhập kho

Công Ty TNHH Lan Phố

Mẫu số 01- VT

Thôn Bắc, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, HP (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Số 143

Họ và tên người giao hàng: Đinh Văn Khang

Địa chỉ (bộ phận): phân xưởng sản xuất

Nhập tại kho: kho công ty

STT	Tên nhãn hiệu, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số Lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
01	Gạch mộc 2 lỗ		viên		2.943.556	564	1.660.165.584
	Cộng						1.660.165.584

Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : *một tỷ, sáu trăm sáu mươi triệu, một trăm sáu mươi năm nghìn, năm trăm tám mươi tư đồng.*

Số chứng từ kèm theo : 01 chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty TNHH Lan Phố)

Khóa luận tốt nghiệp

Căn cứ phiếu nhập kho (Biểu số 2.21), Kế toán vào Nhật ký chung (Biểu số 2.22)

Biểu số 2.22: Nhật ký chung**Công Ty TNHH Lan Phố****Thôn Bắc, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, HP****Mẫu số S03a-DN**

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số	Ngày tháng				Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
.....
30/09	PKT09	30/09	Kết chuyển CP NVL trực tiếp		154 621	3.478.379.490	3.478.379.490
30/09	PKT09	30/09	Kết chuyển CP NC trực tiếp		154 622	1.321.455.360	1.321.455.360
30/09	PKT09	30/09	Kết chuyển CP SXC		154 627	2.269.115.738	2.269.115.738
30/09	PNK 143	30/09	Nhập kho thành phẩm		155 154	1.660.165.584	1.660.165.584
...
			Cộng chuyển sang trang sau			37.016.779.805	37.016.779.805

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty TNHH Lan Phố)

Khóa luận tốt nghiệp

Từ Nhật ký chung (Biểu số 2.22), Kế toán vào Sổ cái (Biểu 2.23)

Biểu số 2.23: Sổ cái TK 155

Công ty TNHH Lan Phố

Thôn Bắc, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, HP

TRÍCH SỔ CÁI

Tháng 09 năm 2012

Tên tài khoản: Thành phẩm

Số hiệu TK : 155

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		840.684.045	
			Số phát sinh trong kỳ			
30/09	PXK75	15/09	Xuất bán gạch mộc 8 lỗ	632		616.820.552
30/09	PXK105	22/09	Xuất bán gạch mộc 4 lỗ	632		882.012.300
30/09	PNK143	30/09	Nhập kho gạch mộc 2 lỗ	154	1.660.165.584	
...
			Cộng số phát sinh		7.058.263.024	7.067.401.654
					831.545.415	

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty TNHH Lan Phố)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LAN PHỐ

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng tại công ty TNHH Lan Phố.

3.1.1. Ưu điểm

* Về tổ chức bộ máy kế toán của Công ty:

Với hình thức tổ chức kế toán tập trung, bộ máy kế toán đã phát huy hiệu quả của mình trong việc tăng cường quản lý hạch toán. Bên cạnh đó, bộ máy kế toán gọn nhẹ cũng giúp giảm chi phí quản lý. Nhân viên kế toán trình độ tay nghề tương đối vững, có kinh nghiệm, nhiệt tình với công việc để tạo điều kiện tốt cho công tác hạch toán.

* Về hệ thống sổ kế toán:

Công ty hạch toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung đã đảm bảo việc hạch toán đầy đủ, phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, có phân công lao động rõ ràng. Các loại sổ sách theo quy định của Bộ Tài Chính đã ban hành. Chứng từ kế toán được tổ chức luân chuyển hợp lý với hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo nội bộ được cung cấp kịp thời đã giúp Ban lãnh đạo công ty có đầy đủ thông tin để đưa ra các quyết định đúng đắn.

* Việc thực hiện mục tiêu tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm :

Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm tiết kiệm chi phí như tìm kiếm các nhà cung ứng nguyên vật liệu đầu vào với giá thành hợp lý mà vẫn đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng, sử dụng tối đa công suất của máy móc, đầu tư nhiều trang thiết bị sản xuất mới nhằm giảm số lượng sản phẩm hỏng, nâng cao ý thức cũng như tay nghề của người lao động...Nhờ vậy mà hiệu quả của công tác tiết kiệm chi phí đã tăng lên rõ rệt.

*** Về nguyên vật liệu :**

Công ty phải mua và bảo quản nhiều loại nguyên vật liệu khác nhau do đặc thù của sản xuất. Tuy vậy, công tác tổ chức thu mua và quản lý khá tốt thể hiện trong việc tìm nhà cung cấp, vận chuyển, bảo quản...đến việc tính toán định mức sử dụng và xuất kho vật liệu cho các phân xưởng, bộ phận trong doanh nghiệp.

Phần lớn việc thu mua nguyên vật liệu của Công ty được diễn ra sau khi nhận được đơn đặt hàng của khách hàng. Việc mua sắm nguyên vật liệu trực tiếp cho các đơn đặt hàng góp phần tránh ứ đọng vốn trong hàng tồn kho của Công ty. Tuy nhiên, Công ty cũng có thể thu mua trước một số loại nguyên vật liệu cơ bản, thường dùng cho các đơn đặt hàng phổ biến khi giá của chúng thấp mà nhà quản lý nghĩ rằng giá sẽ bị tăng lên nếu mua sau này .

3.1.2. Hạn chế

*** Về công tác kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp**

Công ty không thực hiện trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất. Việc xây dựng được mức trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất rất quan trọng, nó giúp cho doanh nghiệp hạch toán chi phí sản xuất phát sinh một cách đồng đều giữa các kỳ kế toán tránh tình trạng khi công nhân nghỉ nhiều thì chi phí nhân công mà doanh nghiệp phải trả lại quá ít. Việc hạch toán như vậy cho giá thành sản phẩm có sự biến động lớn và không cân đối.

*** Về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung :**

Tại công ty TNHH Lan Phố, chi phí sản xuất chung phát sinh trong tất cả các phân xưởng, tổ đội sản xuất bao gồm chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí vật liệu, chi phí CCDC, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài. Công ty lại không mở tài khoản chi tiết để tập hợp chi phí sản xuất chung như vậy gây khó khăn trong công tác quản lý các chi phí này.

*** Về việc trích trước các khoản chi phí sửa chữa lớn TSCĐ:**

Công ty mới được thành lập và hoạt động được 6 năm do vậy TSCĐ của Công ty được đưa vào sử dụng trong khoảng thời gian chưa phải là dài nhưng

không có nghĩa là các tài sản này không bị hỏng hóc. Tuy nhiên kế toán không trích trước các khoản sửa chữa lớn mà khi xảy ra kế toán sẽ hạch toán vào chi phí sản xuất trong kỳ. Vì vậy những kỳ phát sinh làm cho chi phí sản xuất chung đột biến, gây biến động lớn cho giá thành. Do đó việc yêu cầu kế toán tiến hành lập kế hoạch sửa chữa lớn TSCĐ là rất cần thiết.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một công việc cần thiết và quan trọng đối với tất cả các doanh nghiệp. Nó giúp cho bộ máy quản lý và các thành viên trong doanh nghiệp nắm được tình hình thực hiện kế hoạch chi phí giá thành, cung cấp những tài liệu xác thực để chỉ đạo sản xuất kinh doanh, phân tích đánh giá tình hình sản xuất. Thông qua đó, khai thác và huy động mọi khả năng tiềm tàng mở rộng sản xuất, nâng cao năng suất lao động và hạ giá thành sản phẩm.

Hạch toán chính xác chi phí sản xuất còn là cơ sở tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm. Chỉ tiêu tổng giá thành và giá thành đơn vị sản phẩm rất nhạy cảm đối với những nhà quản lý và những người quan tâm bởi vì nhìn vào đó người ta có thể biết được lợi nhuận năm này, tháng này, quý này là bao nhiêu trên một đơn vị sản phẩm. Mặt khác, chỉ tiêu tổng giá thành còn thể hiện giá vốn mà doanh nghiệp phải bỏ ra khi tiêu thụ sản phẩm, từ đó xác định lợi nhuận gộp thu được khi tiêu thụ sản phẩm đó.

Với những ý nghĩa như vậy, hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm luôn là vấn đề được các doanh nghiệp quan tâm nghiên cứu trong quá trình nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Lan Phố.

3.3.1. Yêu cầu

Hạch toán chính xác chi phí sản xuất có nghĩa doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phải chi ra để thu được những khoản lợi nhuận trong tương lai. Nếu khoản hao phí này được hạch toán chính xác thì mới làm cơ sở cho

việc tính đúng khoản lợi mà doanh nghiệp thu được. Để làm được điều này, trong kế toán tuân thủ nguyên tắc: “ Chỉ ghi nhận các khoản thu nhập chắc chắn xảy ra nhưng được phép ghi nhận tất cả các khoản chi phí có thể phát sinh ”.

Hạch toán chi phí sản xuất đồng nghĩa với việc tuân thủ các quy định của Nhà nước liên quan đến hạch toán chi phí sản xuất như phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho, phương pháp khấu hao TSCĐ, hệ thống sổ sách kế toán,...

3.3.2. Phương hướng

- Phải xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, lựa chọn phương pháp tập hợp và tiêu thức phân bổ thích hợp.

Xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất thì chi phí được tập hợp đầy đủ, chính xác, không bị chồng chéo, bỏ sót.

Lựa chọn phương pháp tập hợp chi phí sản xuất phù hợp thì giúp việc tập hợp chi phí được khách quan, khoa học, dễ hiểu, dễ làm.

Lựa chọn phương pháp phân bổ thích hợp với đặc điểm ngành nghề kinh doanh, đặc điểm về tổ chức, đặc điểm về quản lý của Công ty sẽ giúp cho việc phân bổ chi phí cho các đối tượng được khách quan, đúng với chức năng, vị trí của đối tượng ấy.

- Phải xác định đúng đối tượng tính giá thành và lựa chọn phương pháp tính giá thích hợp.

Giá thành là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh việc sử dụng các loại tài sản, vật tư, tiền vốn trong quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm cũng như các giải pháp mà doanh nghiệp đã thực hiện nhằm mục đích chi phí bỏ ra ít nhất nhưng kết quả sản xuất kinh doanh thu được nhiều nhất. Giá thành sản phẩm là cơ sở để tính toán và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy cần xác định đúng đối tượng và phương pháp tính giá thành.

- Xây dựng quy tắc tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành trong doanh nghiệp. Những quy tắc đó quy định trình tự công việc sao cho việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được tiến hành thuận lợi, phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

- Phân loại chi phí sản xuất, xác định các loại giá thành phù hợp với yêu cầu công tác tổ chức quản lý và hạch toán.

3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Lan Phố.

Hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một phần không thể thiếu trong quá trình thực hiện công tác hạch toán kế toán của doanh nghiệp. Tính đúng, tính đủ chi phí là một yêu cầu quan trọng. Việc tính đúng, tính đủ chi phí còn giúp cho việc cung cấp kịp thời, chính xác thông tin phục vụ cho các nhà quản lý. Do đó, công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng cần được hoàn thiện để làm cơ sở đánh giá hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Với những hiểu biết còn hạn chế của bản thân, em xin đưa ra một số kiến nghị sau đây nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Lan Phố.

3.4.1. Kiến nghị 1: Về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung

Công ty nên mở chi tiết các tài khoản cấp 2 cho tài khoản 627 như vậy sẽ giúp cho công ty theo dõi được chi tiết hơn và nắm rõ được tình hình sử dụng của từng loại chi phí một cách cụ thể. Từ đó có các biện pháp điều chỉnh tăng giảm chi phí được hợp lý chi phí sản xuất chung.

3.4.2. Kiến nghị 2: Về phương pháp tính giá nguyên vật liệu

Công ty nên áp dụng phương pháp tính giá nguyên vật liệu theo phương pháp tính giá bình quân liên hoàn thay cho phương pháp tính giá bình quân gia quyền cả kì như Công ty đang áp dụng để phản ánh chính xác hơn giá trị vật liệu sử dụng cho sản xuất sản phẩm.

Công thức như sau:

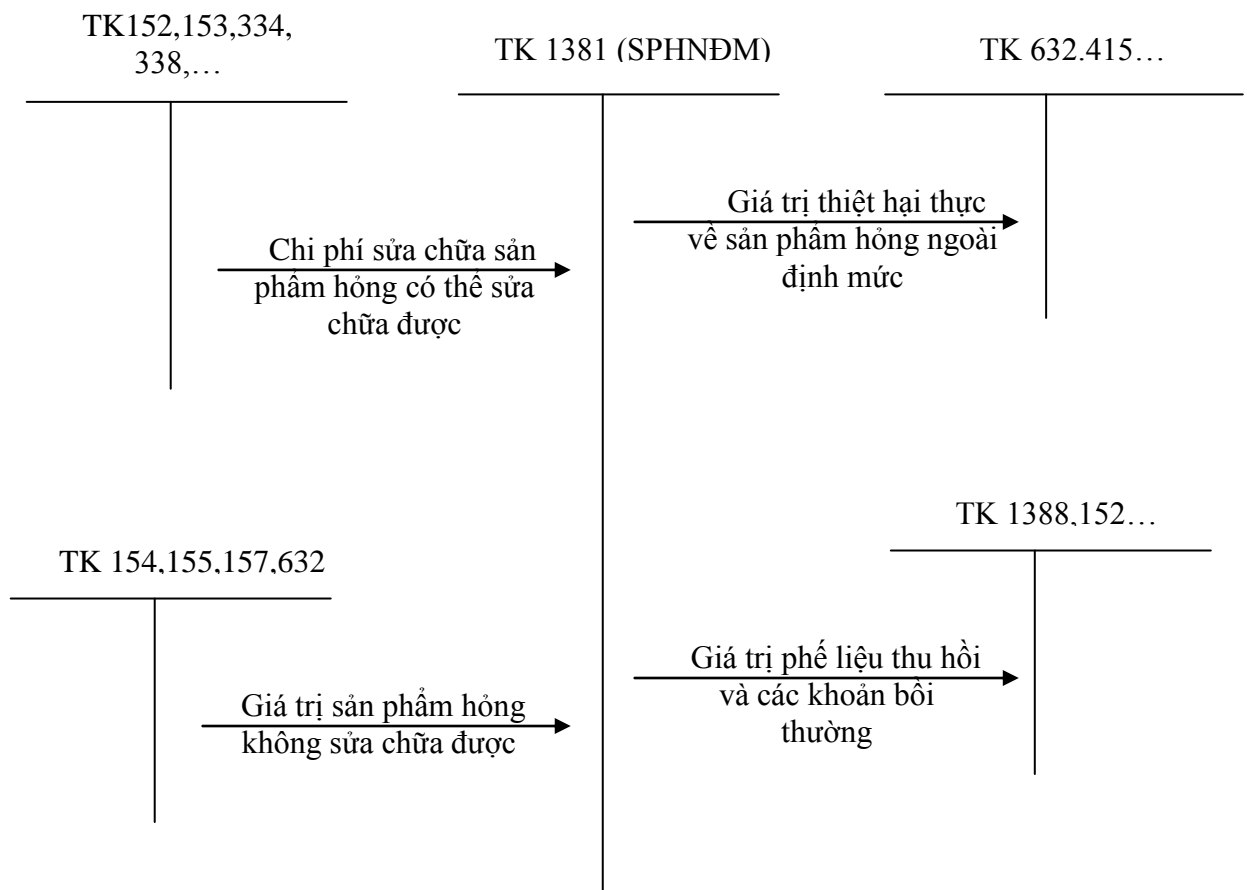
$$\begin{array}{l} \text{DGBQ mỗi lần} \\ \text{xuất} \end{array} = \frac{\text{Tổng số tiền hàng tồn kho} + \text{số tiền mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng hàng tồn kho} + \text{số lượng mỗi lần nhập}}$$

3.4.3. Kiến nghị 3: Về thiệt hại trong sản xuất

*** Hạch toán thiệt hại về sản phẩm hỏng**

Sản phẩm hỏng là sản phẩm không thỏa mãn các tiêu chuẩn chất lượng và đặc điểm kỹ thuật của sản xuất và màu sắc, kích cỡ, trọng lượng, cách thức lắp ráp... Tùy theo mức độ hư hỏng mà sản phẩm hỏng được chia làm 2 loại là sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được (là những sản phẩm hỏng mà về mặt kỹ thuật có thể sửa chữa được và việc sửa chữa đó có lợi về mặt kinh tế) và sản phẩm hỏng không sửa chữa được (là những sản phẩm mà về mặt kỹ thuật không thể sửa chữa được hoặc có thể sửa chữa được nhưng không có lợi về mặt kinh tế). Trong quan hệ với công tác kế hoạch, cả 2 loại sản phẩm hỏng nói trên lại được chi tiết thành sản phẩm hỏng trong định mức và sản phẩm hỏng ngoài định mức. Những sản phẩm hỏng mà doanh nghiệp dự kiến sẽ xảy ra trong quá trình sản xuất được coi là hỏng trong định mức.

Sơ đồ 3.1: Sơ đồ hạch toán thiệt hại về sản phẩm hỏng ngoài định mức

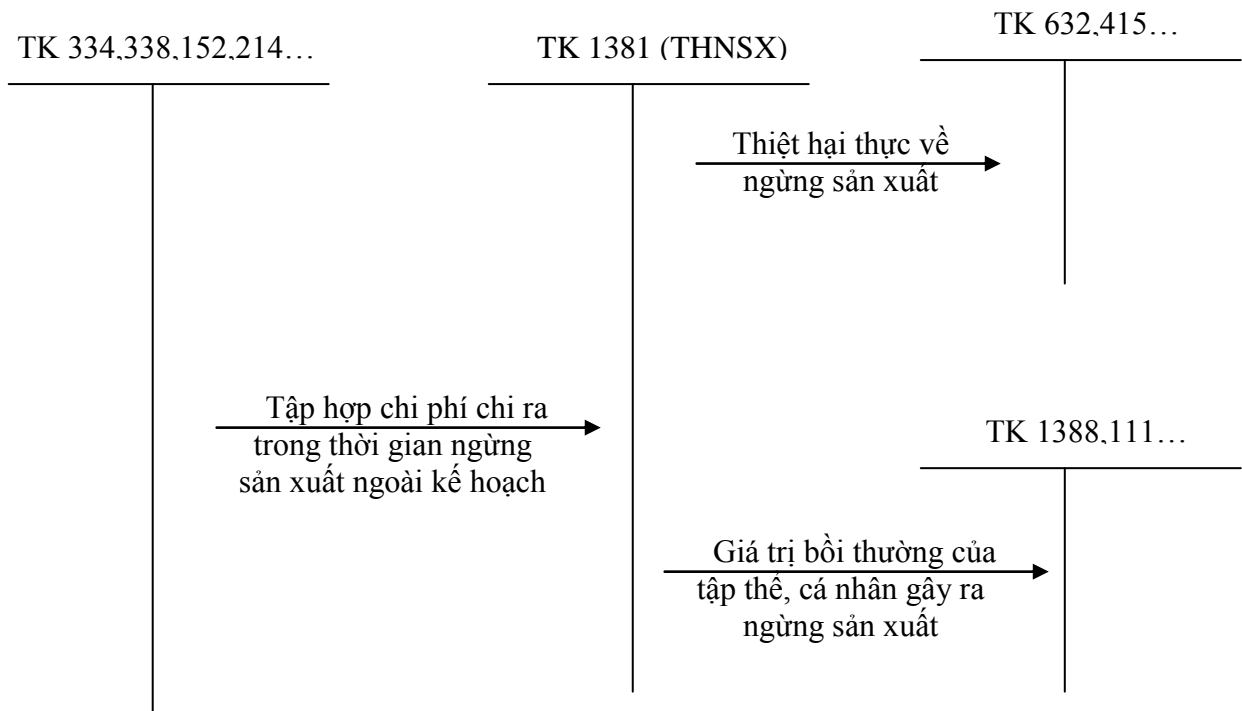


Khóa luận tốt nghiệp

* Hạch toán thiệt hại về ngừng sản xuất

Trong thời gian ngừng sản xuất vì những nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan (thiên tai, địch họa, thiếu nguyên, vật liệu...), các doanh nghiệp vẫn phải bỏ ra 1 số khoản chi phí để duy trì hoạt động như tiền công lao động, khấu hao TSCĐ, chi phí bảo dưỡng... Những khoản chi phí chi ra trong thời gian này được coi là thiệt hại về ngừng sản xuất.

Sơ đồ 3.2: Sơ đồ hạch toán tổng hợp thiệt hại ngừng sản xuất ngoài kế hoạch



3.4.4. Kiến nghị 4: Về ứng dụng công nghệ thông tin

Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào tổ chức kế toán mà cụ thể là việc sử dụng hệ thống máy tính cũng như phần mềm kế toán đóng vai trò rất quan trọng, vừa giúp tiết kiệm thời gian vừa giúp khối lượng công việc kế toán giảm đi đáng kể so với kế toán ghi sổ nhưng các nghiệp vụ kế toán vẫn được cập nhật một cách đầy đủ, chính xác góp phần đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác quản lý.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư 103/2005/TT- BTC của Bộ Tài Chính ngày 24/11/2005 về việc “ Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán ” hoặc có thể đi mua phần mềm của các nhà cung cấp phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán FAST của công ty cổ phần FAST.
- Phần mềm kế toán MISA của công ty cổ phần MISA.
- Phần mềm kế toán SASINNOVA của công ty cổ phần SIS Việt Nam.
- Phần mềm kế toán ASOFT của công ty giải pháp phần mềm ASOFT.
- Phần mềm kế toán ACMAN của công ty cổ phần ACMAN.
- Phần mềm kế toán EFFECT của công ty cổ phần EFFECT.
- Phần mềm kế toán BRAVO của công ty cổ phần BRAVO.

Khi trang bị phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để có thể sử dụng thành thạo, khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm. Việc sử dụng thành công phần mềm sẽ giúp cho việc xử lý và cung cấp thông tin kinh tế - tài chính được thực hiện một cách nhanh chóng, chính xác và tiết kiệm được sức lao động, nâng cao hiệu quả công việc, tránh nhầm lẫn, sai sót đồng thời lưu trữ, bảo quản số liệu thuận lợi và an toàn.

3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Lan Phố.

3.5.1. Về phía Nhà nước

Lĩnh vực kế toán là một trong những công cụ quản lý kinh tế quan trọng giúp cho các doanh nghiệp phát triển và thành đạt. Chính vì vậy Nhà nước ta vẫn đang tiếp tục xây dựng luật, chuẩn mực và ban hành các thông tư hướng

dẫn kế toán để có một hệ thống kế toán riêng cho nước ta nhưng vẫn phù hợp với tiêu chuẩn chung của chuẩn mực quốc tế. Với mục tiêu là tạo ra khung pháp lý để các doanh nghiệp tự tìm ra một phương pháp kế toán phù hợp với doanh nghiệp của mình, Nhà nước đã không ngừng đổi mới, hoàn thiện các chuẩn mực kế toán một cách hợp lý nhất. Chính vì thế, ngay tại các doanh nghiệp cần phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán sao cho phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình nhưng vẫn đảm bảo những quy định chung của Nhà nước.

3.5.2. Về phía doanh nghiệp

- Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm không được làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và phải tôn trọng những nguyên tắc chuẩn mực kế toán mà Nhà nước đã quy định.

- Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm đảm bảo cung cấp số liệu một cách kịp thời, chính xác và đầy đủ phục vụ công tác quản lý và điều hành các hoạt động kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải làm cho bộ máy kế toán gọn nhẹ nhưng vẫn phải đảm bảo hiệu quả công tác cao, nâng cao được năng lực quản lý và mang lại hiệu quả kinh tế cao cho doanh nghiệp.

- Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải được thực hiện trên cơ sở khoa học, phù hợp với chế độ, chính sách quản lý hiện hành của Nhà nước.

- Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải phù hợp với sự phát triển của doanh nghiệp trong tương lai và phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm tổ chức, qui mô, trình độ, năng lực của đội ngũ kế toán, tình hình trang thiết bị của doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ quá trình hạch toán kế toán của mỗi doanh nghiệp. Hạch toán đầy đủ, kịp thời, chính xác các chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ tạo điều kiện cho việc tính giá thành chính xác, đầy đủ, kịp thời. Từ đó phân tích, đề ra các biện pháp hiệu quả để tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản phẩm. Đó là mục tiêu mà mọi doanh nghiệp đều hướng tới, là nhân tố quan trọng giúp doanh nghiệp đứng vững trong nền kinh tế hiện nay.

Việc nghiên cứu tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Lan Phố đã giúp em hiểu thêm thực tế về công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm và tầm quan trọng của nó.

Về lý luận: Khóa luận đã hệ thống hóa một số vấn đề lý luận về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm và công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

Về thực tiễn: Khóa luận đánh giá trung thực nhất về tổ chức kế toán tại Công ty đồng thời đề xuất một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán tại công ty TNHH Lan Phố.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song do trình độ lý luận cũng như thực tiễn của em còn hạn chế nên khóa luận tốt nghiệp không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô để em có thể khắc phục được những thiếu sót đó.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn thầy giáo Th.s Nguyễn Đức Kiên và các cô, chú cán bộ phòng kế toán của công ty TNHH Lan Phố đã hướng dẫn tận tình và tạo điều kiện giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn !

Sinh viên

Đinh Thị Phương Thảo

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính. Năm 2011. Chế độ kế toán doanh nghiệp Quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán. Hà Nội NXB Lao động.
2. Bộ tài chính. Năm 2011. Chế độ kế toán doanh nghiệp Quyển 2 Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán. Hà Nội NXB Lao động.
3. TS. Phan Đức Dũng. Năm 2010. Kế toán tài chính Phần 1 Kế toán doanh nghiệp sản xuất. NXB Thống kê.
4. Trường Đại học kinh tế quốc dân GS.TS. Đặng Thị Loan. Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp. Năm 2011 NXB Đại học kinh tế quốc dân.
5. Khóa luận tốt nghiệp của các anh chị khóa trước.